

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

**ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH ĐỒNG THÁP
GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

Đồng Tháp, tháng 6 năm 2021

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	3
I. SỰ CẦN THIẾT CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ CĂN CỨ LẬP ĐỀ ÁN.....	4
1. Bối cảnh chung	4
2. Sự cần thiết lập Đề án.....	10
3. Đối tượng và phạm vi triển khai.....	11
4. Căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn xây dựng Đề án.....	11
5. Quan điểm chuyển đổi số.....	14
6. Nguyên tắc chuyển đổi số	15
7. Mối quan hệ giữa chuyển đổi số với xây dựng Chính quyền điện tử, đô thị thông minh	15
II. THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ SỐ HOÁ CỦA TỈNH ĐỒNG THÁP	17
1. Hiện trạng ứng dụng công nghệ thông tin.....	17
2. Phân tích mô hình SWOT tác động đến việc chuyển đổi số của tỉnh Đồng Tháp	30
III. NỘI DUNG ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH ĐỒNG THÁP GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030.....	32
1. Tầm nhìn, mục tiêu.....	32
2. Đề xuất giải pháp và lộ trình thực hiện.....	37
3. Kinh phí thực hiện.....	57
4. Tổ chức thực hiện.....	58
5. Đánh giá tính khả thi của đề án.....	60
6. Kết luận và kiến nghị	61
IV. CÁC PHỤ LỤC	63

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

AI: Artificial Intelligence

AR: Augmented Reality (thực tế ảo tăng cường)

CMCN: Cách mạng công nghiệp

CNTT: Công nghệ thông tin

CQNN: Cơ quan nhà nước

FTTx: Fiber to the x (Mô hình mạng triển khai sợi quang)

GDP: Gross Domestic Product (tổng sản phẩm nội địa)

GIS: Geographic Information System (hệ thống thông tin địa lý)

GRDP: Gross Regional Domestic Product (tổng sản phẩm tính trên một vùng)

GDĐT: Giáo dục đào tạo

HTX : Hợp tác xã

ICT: Information Communications Technology (Công nghệ thông tin và truyền thông)

IOC: Intelligent Operation Centre (Trung tâm điều hành thông minh)

IoT: Internet of Thing (internet vạn vật)

KTXH: Kinh tế xã hội

LAN: Local Area Network (mạng cục bộ)

LGSP: Local Goverment Service Platform (nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu địa phương)

NGSP: Nation Goverment Service Platform (nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu quốc gia)

SOC: Security Operations Center (Trung tâm điều hành an ninh mạng)

STEM: Science (khoa học), technology (công nghệ), engineering (kỹ thuật), and mathematics (toán học)

TFP: Total Factors Productivity (năng suất các yếu tố tổng hợp)

TMĐT: Thương mại điện tử

TNMT: Tài nguyên môi trường

UBND: Ủy ban nhân dân

VR: Virtual Reality (thực tế ảo)

WAN: Wide Area Network (mạng diện rộng)

Zalo OA: Zalo Official Account (tài khoản Zalo chính thức của một tổ chức)

I. SỰ CẦN THIẾT CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ CĂN CỨ LẬP ĐỀ ÁN

1. Bối cảnh chung

1.1. Bối cảnh quốc tế:

Hiện nay, thế giới đang có sự chuyển biến và thay đổi nhanh chóng từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, một cuộc Cách mạng công nghệ mới, đặc biệt khác với các Cuộc cách mạng trước đây. Về tốc độ, tăng theo hàm lũy thừa; Về phạm vi và chiều sâu, đây là cuộc Cách mạng dựa trên cách mạng số và kết hợp nhiều công nghệ, dẫn đến sự thay đổi chưa từng có tiền lệ trong mô hình kinh tế - xã hội; Về tác động hệ thống, bao gồm sự chuyển đổi của toàn bộ hệ thống, khắp các quốc gia, các doanh nghiệp, các ngành công nghiệp và toàn xã hội. Cũng như các cuộc cách mạng khác, phải chấp nhận sự “đập bỏ, hy sinh” những cái cũ, lạc hậu để có cái mới, cái nền tảng, phù hợp quy luật phát triển và tiến hóa. Để thực hiện được cuộc Cách mạng này thành công, không để tụt hậu, nhờ chuyển đổi 4.0, các nước phải thực hiện “Chuyển đổi số”. Việc chuyển đổi số sẽ làm thay đổi thế giới, nhưng không có nghĩa là không có thể điều khiển, can thiệp quá trình này. Kinh nghiệm của những lần chuyển đổi công nghệ trước đây đã cho thấy, những nước đi đầu trong ứng dụng và phát triển công nghệ mới sẽ luôn là những nước thịnh vượng, phát triển nhất.

Nhận thức được tầm quan trọng của chuyển đổi số, hiện nhiều nước đã xây dựng và triển khai các chiến lược/chương trình quốc gia về chuyển đổi số, điển hình như Anh, Úc, Đan Mạch, Estonia, Israel, Mexico, Singapore, Thái Lan, Uruguay,... Nội dung chuyển đổi số của các nước có khác nhau, phụ thuộc vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của mỗi nước. Tuy nhiên, nói chung đều hướng tới các nội dung chính sau:

- Chuyển đổi số nền kinh tế (kinh tế số), bao gồm: 1) Phát triển các doanh nghiệp số; 2) Chuyển đổi số cho các doanh nghiệp truyền thống (hướng tới sản phẩm tích hợp số; chuyển đổi mô hình kinh doanh trên nền tảng số; thay đổi quy trình sản xuất dựa trên dữ liệu số, tự động hóa, ảo hóa,...); 3) Phát triển tài chính số; 4) Phát triển thương mại điện tử;

- Chuyển đổi số xã hội (xã hội số), trong đó tập trung vào các lĩnh vực như: ứng dụng công nghệ số để nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm khoảng cách xã hội (như giáo dục, y tế, văn hóa, an toàn an ninh xã hội,...);

- Chuyển đổi số trong một số ngành trọng điểm để phát triển KTXH (như nông nghiệp, du lịch, điện lực, giao thông,...);

- Chuyển đổi số trong cơ quan Chính phủ (Chính phủ số), hướng tới cung cấp dịch vụ công thuận tiện cho người dân, tăng cường sự tham gia người dân trong các hoạt động cơ quan nhà nước (CQNN); tăng cường hiệu quả hoạt động và đổi mới trong các CQNN; phát triển dữ liệu mở của CQNN để tạo điều kiện phát triển KTXH.

Để thực hiện chuyển đổi số theo các lĩnh vực trên, các nước cũng xác định các yếu tố nền tảng cần bảo đảm, bao gồm:

- Phát triển hạ tầng số (phát triển mạng di động thế hệ mới, kết nối cáp quang đến các gia đình, doanh nghiệp, cung cấp WiFi miễn phí tại khu vực công cộng, phát triển điện toán đám mây- cloud computing, hạ tầng IoT, BigData,...);
- Phát triển lực lượng lao động có kỹ năng số (digital skills);
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu công nghệ số mới;
- Xây dựng môi trường pháp lý để bảo đảm môi trường an toàn, tin cậy, thúc đẩy chuyển đổi số.

Để thực hiện các nội dung trên, các nước đã đưa ra những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp mạnh mẽ để thực hiện chuyển đổi số, đến nay nhiều nước đã có những thành tựu và đi đầu thế giới trong chuyển đổi số.

1.2. Bối cảnh trong nước

Ngày 03/06/2020, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” để triển khai Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 50/NQ-CP của Chính phủ. Ngày 31/12/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chiến lược quốc gia về CMCN lần thứ tư đến năm 2030 tại Quyết định số 2289/QĐ-TTg. Chuyển đổi số là một nội dung, giải pháp chính để chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; trước mắt là để chính phủ, chính quyền, doanh nghiệp, xã hội không tụt hậu hoặc phá sản; mà có tận dụng được xu thế, công nghệ cho phát triển, hòa nhập. Chương trình Chuyển đổi số quốc gia xác định tầm nhìn đến năm 2030 là “Việt Nam trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng, tiên phong và thử nghiệm các mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp” với mục tiêu kép là “vừa phát triển Chính phủ số, Kinh tế số, Xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu”.

1.3. Thực trạng và định hướng phát triển KTXH tỉnh Đồng Tháp

1.3.1. Tình hình phát triển KTXH tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2016-2020

Tốc độ tăng trưởng bình quân 05 năm (2016 - 2020) ước đạt 6,44%, quy mô nền kinh tế tiếp tục được mở rộng, ước năm 2020 đạt trên 87.300 tỷ đồng, tăng 1,53 lần so với năm 2015, xếp vào hàng khá của khu vực đồng bằng sông Cửu Long. GRDP bình quân đầu người năm 2020 ước đạt 54,71 triệu đồng, gấp 1,55 lần so với năm 2015.

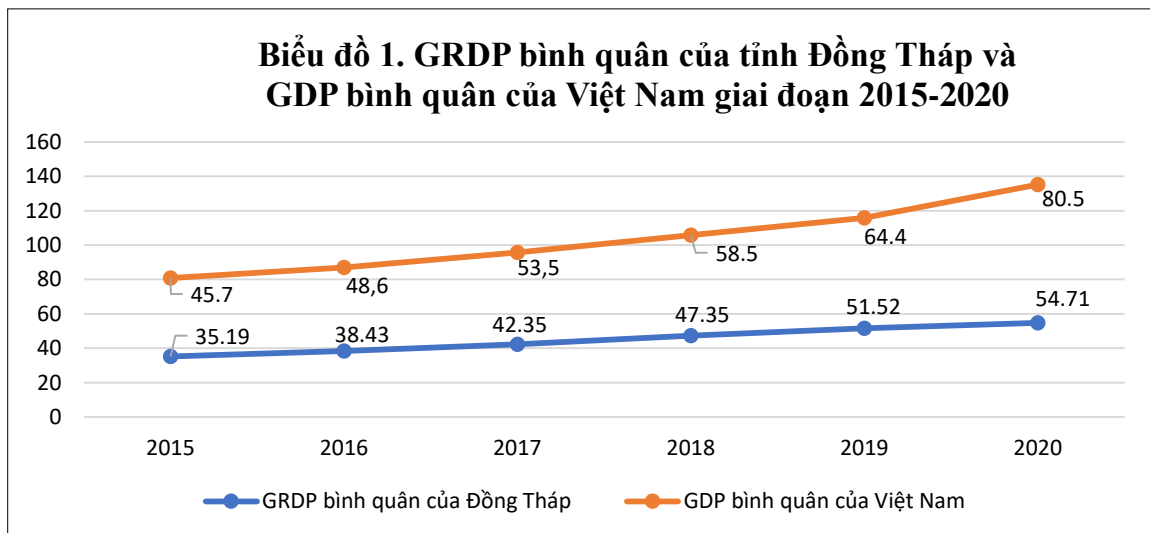
Giai đoạn 2016-2020, cùng với sự phát triển về số lượng, quy mô về vốn đầu tư của doanh nghiệp cũng gia tăng đáng kể. Theo đó, số doanh nghiệp thành

lập mới là 2.684 doanh nghiệp, tăng 26% so với giai đoạn 2011-2015. Vốn đầu tư trung bình giai đoạn 2016-2020 là 6,7 tỷ đồng/ doanh nghiệp, tăng khoảng 49% so với giai đoạn 2011-2015. Đến năm 2020, trên địa bàn tỉnh có 4.244 doanh nghiệp thực tế đang hoạt động, tăng khoảng 53% so với năm 2015.

Đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào GRDP của tỉnh năm 2016-2020 là khoảng 23,35%; vốn đầu tư phát triển của khối doanh nghiệp khoảng 23,64% trên tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội. Đóng góp của yếu tố năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) chiếm khoảng 21,27% GRDP; hàng năm giải quyết việc làm cho khoảng 35.000 lao động.

Bảng 1. Thống kê GRDP bình quân của tỉnh Đồng Tháp và GDP bình quân của Việt Nam giai đoạn 2015-2020

Năm	GRDP của Đồng Tháp (triệu đồng)	Dân số của Đồng Tháp (người)	GRDP bình quân đầu người của Đồng Tháp (triệu đồng)	GDP bình quân đầu người của Việt Nam (triệu đồng/người)
2015	57.208.361	1.625.637	35,19	45,7
2016	62.221.079	1.619.011	38,43	48,6
2017	68.288.574	1.612.489	42,35	53,5
2018	76.048.594	1.606.069	47,35	58,5
2019	82.370.934	1.598.754	51,52	64,4
2020	87.529.268	1.600.014	54,71	80,5



Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng của Tỉnh có xu hướng chậm lại, chưa đạt mục tiêu đề ra (6,44%/kế hoạch 10%/năm); chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm. Nguồn vốn đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn còn thấp, mức độ huy động từ nguồn xã hội hóa chưa nhiều. Chuyển đổi sang các mô hình sản xuất thích ứng biến đổi khí hậu chưa rõ nét. Công nghiệp có chuyển biến nhưng thiếu đa dạng về sản phẩm và quy mô sản xuất còn nhỏ. Phát triển công nghiệp với

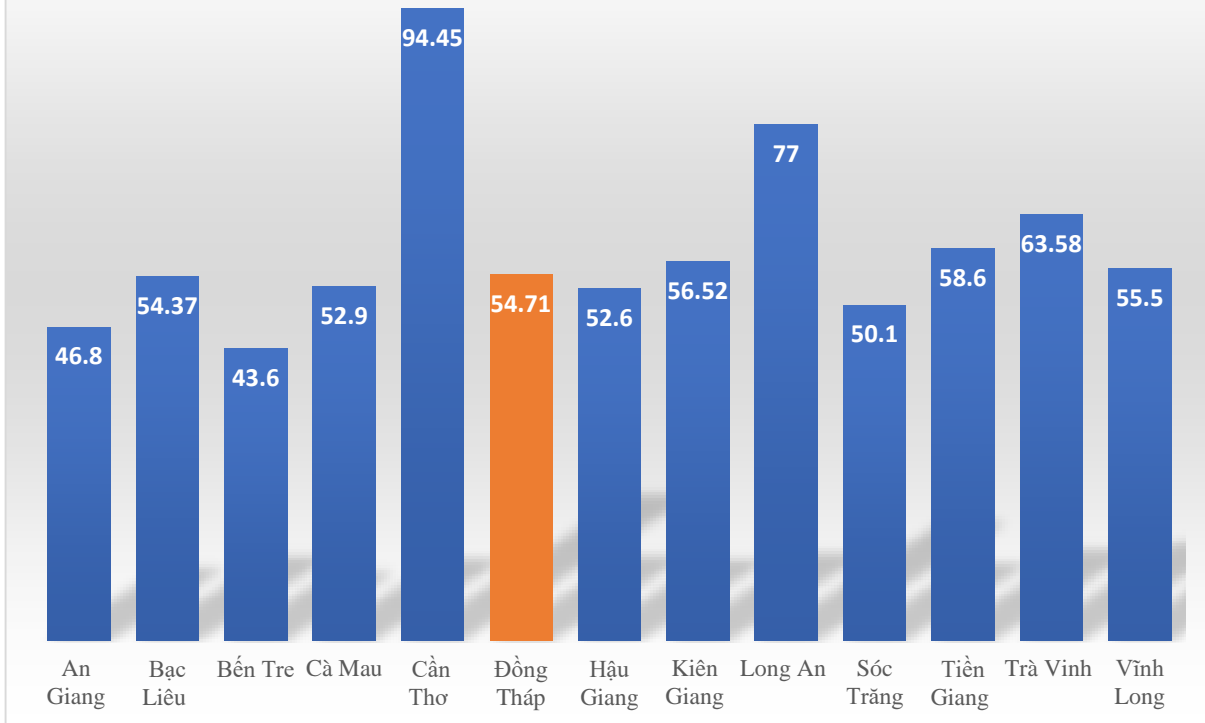
xây dựng thương hiệu tạo sức cạnh tranh sản phẩm và bảo vệ thương hiệu chưa phát huy hiệu quả. Hạ tầng giao thông chưa đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông kết nối liên vùng và với vùng trọng điểm kinh tế phía Nam. Thu hút đầu tư còn nhiều hạn chế, nhất là đối với các dự án lớn, dự án có vốn đầu tư nước ngoài. Quản lý tài nguyên còn bất cập, tình trạng sạt lở bờ sông còn nghiêm trọng, ảnh hưởng đến đời sống người dân, tình trạng ô nhiễm môi trường vẫn còn xảy ra,...

Bảng 2. So sánh GRDP bình quân đầu người của tỉnh Đồng Tháp với các tỉnh thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long năm 2020

STT	Tên tỉnh	GRDP bình quân đầu người (triệu đồng)	Xếp hạng
1	An Giang	46,8	12
2	Bạc Liêu	54,37	8
3	Bến Tre	43,6	13
4	Cà Mau	52,9	9
5	Cần Thơ	94,45	1
6	Đồng Tháp	54,71	7
7	Hậu Giang	52,6	10
8	Kiên Giang	56,52	5
9	Long An	77	2
10	Sóc Trăng	50,1	11
11	Tiền Giang	58,6	4
12	Trà Vinh	63,58	3
13	Vĩnh Long	55,5	6

Nguồn: Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025 và Nghị quyết phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021-2025 của các tỉnh, thành phố thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long

**Biểu đồ 2. GRDP bình quân của các tỉnh
khu vực đồng bằng sông Cửu Long**



Bảng 3. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2016 – 2020

STT	Tên tỉnh	Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2016-2020	Xếp hạng
1	An Giang	5,25%	12
2	Bạc Liêu	7,16%	3
3	Bến Tre	6,41%	7
4	Cà Mau	7%	4
5	Cần Thơ	6,17%	9
6	Đồng Tháp	6,44%	6
7	Hậu Giang	5,26%	11
8	Kiên Giang	6,37%	8
9	Long An	9,11%	2
10	Sóc Trăng	6,15%	10
11	Tiền Giang	7%	4
12	Trà Vinh	11,22%	1
13	Vĩnh Long	4,6%	13

1.3.2. Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021-2025

- Tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn (giá năm 2010) tăng 7,5%.
- GRDP/người đạt 92 triệu đồng theo giá thực tế.
- Khu vực doanh nghiệp đóng góp khoảng 26-27% vào GRDP của tỉnh; đóng góp khoảng 25% tổng vốn đầu tư toàn xã hội;
- Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp khoảng 42% GRDP của tỉnh;
- Hàng năm tạo thêm khoảng 30.000 - 35.000 việc làm mới.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 79% (đào tạo nghề đạt 57%).
- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 42%.
- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới đạt 90% (trong đó: Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao 30%; tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu 10%; phần đầu có thêm 05 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới và 01 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao).
- Tỷ lệ hộ dân cư thành thị sử dụng nước sạch (tiêu chuẩn của Bộ Y tế) đạt 100%; Tỷ lệ hộ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch đạt 98%.
- Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý đạt 95%.
- Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý đạt 100%.

Bảng 4. Mục tiêu tăng trưởng GRDP bình quân đầu người của tỉnh Đồng Tháp so với các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long

STT	Tên tỉnh/TP	GRDP bình quân đầu người năm 2020	Mục tiêu GRDP bình quân đầu người năm 2025	Tỷ lệ tăng trưởng
1	Cần Thơ	94,45	152,5	61,5%
2	Long An	77	117,5	52,6%
3	Bạc Liêu	54,37	115	111,5%
4	Trà Vinh	63,58	100	57,3%
5	Tiền Giang	58,6	92,55	57,9%
6	Đồng Tháp	54,71	92	68,2%
7	Bến Tre	43,6	87	99,5%
8	Vĩnh Long	55,5	82,7	49,0%
9	Kiên Giang	56,52	80,15	41,8%
10	Hậu Giang	52,6	77	46,4%
11	Cà Mau	52,9	77	45,6%
12	Sóc Trăng	50,1	75	49,7%
13	An Giang	46,8	71,3	52,4%

2. Sự cần thiết lập Đề án

Qua phân tích tình hình phát triển kinh tế xã hội, có thể thấy tỉnh Đồng Tháp đang tồn tại một số điểm nghẽn sau:

- GRDP/người của tỉnh Đồng Tháp nằm ở mức trung bình của Đồng bằng sông Cửu Long và thấp hơn GDP/người của toàn quốc.

- Mục tiêu tăng trưởng giai đoạn 2021-2025 của tỉnh là đến năm 2025 quy mô nền kinh tế sẽ tăng gần 1,7 lần so với năm 2020 (giai đoạn 2016-2020 là 1,53 lần so với năm 2015). Đóng góp của yếu tố năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP)¹ năm 2020 chỉ chiếm khoảng 21,27% GRDP, thấp hơn một số tỉnh trong khu vực (Tiền Giang: 27%, Kiên Giang: 31,78%, Vĩnh Long: 30%, Trà Vinh: 47,73%), thấp hơn nhiều so với TFP của Việt Nam (45,21%). Điều đó cho thấy tăng trưởng kinh tế của tỉnh chủ yếu vẫn dựa vào tăng vốn đầu tư, khai thác và sử dụng nhiều lao động với kỹ năng, trình độ trung bình và thấp là chủ yếu. Những yếu tố này là hữu hạn và nếu chỉ dựa vào đó sẽ khó có thể giúp cho tỉnh duy trì tăng trưởng trong giai đoạn tiếp theo. Chính vì vậy, tỉnh cần phải sử dụng tối ưu nguồn lao động và vốn bằng cách phối hợp và sử dụng tốt nhất các yếu tố đầu vào kết hợp với việc cải tiến tổ chức sản xuất, đổi mới công nghệ, áp dụng tiên bộ khoa học – kỹ thuật, nâng cao chất lượng lao động (gọi chung là nhân tố tổng hợp) thì vẫn có thể duy trì tăng trưởng một cách bền vững. Chuyển đổi số là chìa khoá để giải quyết các điểm nghẽn nói trên.

Chuyển đổi số sẽ mang lại lợi ích cho nhiều đối tượng cụ thể như sau:

- Đối với người dân: Giúp người dân bình đẳng về cơ hội tiếp cận các dịch vụ, đào tạo, tri thức. Công dân được chính quyền thấu hiểu và phục vụ tốt hơn nhờ vào dữ liệu và công nghệ số, tham gia các hoạt động học tập, kinh doanh, giải trí, tư vấn, chăm sóc sức khỏe... mà không phụ thuộc vào vị trí, khoảng cách địa lý, Mang đến cho người dân sự tin tưởng vào môi trường an ninh hơn, an toàn hơn, tiện lợi, minh bạch hơn từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

- Đối với doanh nghiệp: Chuyển đổi số giúp giảm chi phí vận hành, mang đến sự trải nghiệm tốt hơn cho khách hàng, tăng lợi nhuận, phản ứng nhanh

¹ Ngoài đóng góp của các nhân tố lao động và vốn vào GRDP, có một phần giá trị mới do một bộ phận vô hình tạo ra. Bộ phận không nhìn thấy này chính là tác động tổng hợp của các yếu tố đầu vào như cải tiến quy trình, áp dụng tiên bộ KHCN, nâng cao chất lượng lao động... và được gọi là năng suất các nhân tố tổng hợp TFP.

Theo hàm sản xuất Cobb Douglas: $GRDP = TFP.L^{\alpha}.K^{\beta}$, trong đó: L = lao động; K = vốn; TFP = năng suất các nhân tố tổng hợp; α, β = Hệ số co giãn của vốn và lao động; $\beta = 1 - \alpha$.

nhảy vọt thị trường và sự thay đổi, tăng năng suất lao động. Chuyển đổi số dẫn đến những mô hình kinh doanh mới, những thị trường mới mà trong đó sự nhanh nhạy, linh hoạt và sáng tạo mới là yếu tố quyết định thành công chứ không hẳn là độ lớn, truyền thống, vị thế sẵn có.

- Đối với chính quyền: Điều hành công việc nhanh chóng nhờ chuyển đổi nhận thức và các công cụ hỗ trợ công tác chỉ đạo, ra quyết định; Nhanh chóng ra quyết định với đầy đủ thông tin, tài nguyên và nguồn lực, theo quy trình chuẩn hóa và kịch bản đã được chuẩn bị; Tự động hóa thu thập, phân tích, thống kê, tổng hợp dữ liệu số, dữ liệu đa phương tiện... hình thành các phân hệ hỗ trợ dự báo thông minh, hỗ trợ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo. Chuyển đổi số giúp chính quyền hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn và minh bạch hơn.

- Đối với xã hội: Chuyển đổi số tác động tích cực đến mọi mặt của đời sống xã hội, nâng cao chất lượng đời sống của mọi tầng lớp nhân dân. Du lịch thông minh, giáo dục thông minh, y tế thông minh, giao thông thông minh, an ninh - trật tự thông minh, môi trường thông minh, sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng thông minh....với các công cụ hỗ trợ quản trị công thông minh sẽ góp phần phát triển toàn diện kinh tế, xã hội của tỉnh theo hướng văn minh, hiện đại và an toàn.

Vì vậy, việc lập Đề án Chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến 2030 là hết sức cần thiết và cấp bách, phù hợp với sự phát triển của tỉnh, đáp ứng với mong muốn của chính quyền các cấp và nguyện vọng của nhân dân.

3. Đối tượng và phạm vi triển khai

Người dân, doanh nghiệp, hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và các tổ chức, cá nhân ngoài tỉnh nhưng có nhu cầu sinh sống, làm việc, học tập, kinh doanh hoặc phát sinh thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn xây dựng Đề án

4.1. Căn cứ pháp lý

4.1.1. Các chủ trương, chính sách của Trung ương

- Căn cứ Nghị định số 44/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

- Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

- Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;

- Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 999/QĐ-TTg ngày 12/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030.

- Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030.

- Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam;

- Quyết định số 1726/QĐ-BTTTT ngày 12/10/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Đề án xác định bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia.

4.1.2. Các chủ trương, chính sách của Tỉnh Đồng Tháp

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp nhiệm kỳ 2020-2025;

- Nghị quyết số 372/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Tháp 05 năm (2021 - 2025)

- Kế hoạch số 195-KH/TU của Ban Thường Vụ tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

4.2. Cơ sở thực tiễn

Những năm gần đây, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, truyền thông cùng với nhiều ngành công nghệ cao khác đã và đang làm biến đổi sâu sắc đời sống kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội của thế giới. Việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, truyền thông đã góp phần giải phóng sức mạnh vật chất, trí tuệ và tinh thần của cả xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, đồng thời nâng cao chất lượng cuộc sống của mỗi người dân.

Theo Báo cáo của Hootsuite, tính đến tháng 01/2021 số người sử dụng Internet trên toàn thế giới đạt 4,66 tỷ người, tăng 316 triệu người (7,3%) so với cùng kỳ năm ngoái. Hiện tại, tỷ lệ sử dụng Internet toàn cầu là 59,5%; có 4,2 tỷ người dùng mạng xã hội trên toàn thế giới. chiếm hơn 53% dân số, trung bình mỗi người dành 2 giờ 25 phút trên mạng xã hội và gần 7 giờ trên mạng internet mỗi ngày. Trong số người dùng Internet từ 16 đến 64 tuổi, gần 77% nói rằng họ mua sắm trực tuyến hàng tháng.... Nếu các tổ chức, doanh nghiệp không thực hiện tối ưu cách quản lý, không chuyển đổi công nghệ sản xuất ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho các dây chuyền tự động, không sử dụng hệ thống mạng xã hội để chăm sóc khách hàng, không xây dựng hệ thống bán hàng tự động, không xây dựng thương hiệu trên internet, không nghiên cứu tổ chức thực hiện các phương thức marketing hiệu quả... thì chắc chắn sẽ bỏ lỡ khách hàng. Từ đó, dẫn tới doanh thu giảm. Yêu cầu đặt ra cho các doanh nghiệp tư nhân trong bối cảnh hiện nay là cần có sự chuẩn bị kỹ và phải bắt đầu ngay từ hạ tầng đến các ứng dụng công nghệ thông tin để phù hợp với điều kiện của mình. Chú trọng việc số hóa của doanh nghiệp trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh sẽ tạo ra môi trường kết nối, an ninh, an toàn. Mặt khác, phải nhìn nhận vai trò quan trọng của đổi mới về công nghệ đối với việc nâng cao năng suất, chất lượng của hàng hóa, dịch vụ cũng như khả năng của doanh nghiệp.

Không nằm ngoài xu thế chung của xã hội, những năm qua tỉnh Đồng Tháp đã triển khai nhiều ứng dụng công nghệ trong hoạt động cơ quan nhà nước

như hệ thống phần mềm một cửa và dịch vụ công trực tuyến, phần mềm quản lý văn bản và điều hành, hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến, tổng đài 1022... đã góp phần rất lớn trong việc xây dựng chính quyền công khai, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả, giúp cho tỉnh Đồng Tháp duy trì thứ hạng cao trong Bảng xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), chỉ số cải cách hành chính (PAR)... Việc ứng dụng công nghệ số vào sản xuất và đời sống đã dần trở nên quen thuộc với người dân, doanh nghiệp. Nhiều mô hình hay, cách làm mới đã được triển khai có hiệu quả tại tỉnh Đồng Tháp như sử dụng máy bay không người lái để phun thuốc trừ sâu, sử dụng bãi đèn thông minh để dự báo tình hình sâu rầy, hệ thống điều khiển thiết bị tưới thông minh,...

Có thể nói, ngày nay chuyển đổi số là một thực tế khách quan mà các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp buộc phải thích nghi, là giai đoạn phát triển không thể khác của quá trình sản xuất và cuộc sống.

5. Quan điểm chuyển đổi số

- Chuyển đổi số là một trong các giải pháp quan trọng nhất thúc đẩy tăng trưởng, tăng năng suất lao động và giải quyết các vấn đề xã hội, là con đường ngắn nhất để đưa tỉnh Đồng Tháp đi lên hiện đại và thịnh vượng.

- Người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền, các ngành, lĩnh vực có vai trò quyết định đến sự thành công của công cuộc chuyển đổi số tại địa phương, ngành, lĩnh vực, đồng thời phải có sự tham gia của toàn xã hội với vai trò vừa là chủ thể vừa là đối tượng thụ hưởng. Trong đó, người dân giữ vai trò trung tâm của chuyển đổi số.

- Coi số hoá nền kinh tế là cuộc cách mạng chính sách, có thái độ tích cực về công nghệ và sáng tạo, chấp nhận những công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới. Các cơ quan nhà nước có vai trò dẫn dắt, định hướng, có phương thức quản lý linh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho chuyển đổi số. Trong những trường hợp có những mô hình mới tích cực xuất hiện mà chưa đủ sở cứ, thời gian để xây dựng chính sách, pháp luật điều chỉnh, thì xem xét sử dụng cách tiếp cận sandbox (cái gì không biết quản thế nào thì cho tự phát triển nhưng trong một không gian nhất định, thời gian nhất định để các vấn đề bộc lộ một cách rõ ràng mà thường không nhiều như các nhà quản lý dự đoán, sau đó mới hình thành chính sách, quy định).

- Trong quá trình xây dựng các chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển; các ngành và địa phương phải nghiên cứu, xem xét áp dụng tối đa các công nghệ số tiên tiến cho sự phát triển.

6. Nguyên tắc chuyển đổi số

- Kế thừa, phát huy kết quả đạt được trong triển khai Chính quyền điện tử, cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, hình ảnh Chính quyền Đồng Tháp năng động, thân thiện, phục vụ trong giai đoạn vừa qua.

- Chủ động trong lựa chọn, ứng dụng các công nghệ và nền tảng số, từng bước làm chủ công nghệ để thực hiện chuyển đổi số bền vững, hiệu quả.

- Bảo đảm an toàn thông tin là yếu tố then chốt để chuyển đổi số thành công.

- Phải hợp tác, tận dụng tối đa nguồn lực của các thành phần kinh tế xã hội cả trong và ngoài tỉnh để chuyển đổi số.

- Phải đảm bảo việc chuyển đổi số có tác động bình đẳng và có lợi ích cho tất cả các thành phần trong xã hội.

- Phải có sự phối hợp, kết nối, chia sẻ giữa các tổ chức, cá nhân trong toàn xã hội để chuyển đổi số mạnh mẽ.

7. Mối quan hệ giữa chuyển đổi số với xây dựng Chính quyền điện tử, đô thị thông minh

Theo Gartner, Chính quyền điện tử (e-Government) là chính quyền ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động và cung cấp dịch vụ, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn. Hay nói một cách khác, chính quyền điện tử là quá trình tin học hoá các hoạt động của Chính quyền.

Theo Luật về Đô thị và Cộng đồng thông minh của Hoa Kỳ, khái niệm đô thị thông minh được định nghĩa: “Thành phố thông minh hoặc cộng đồng thông minh là một cộng đồng ở đó được ứng dụng các công nghệ thông tin, truyền thông đổi mới sáng tạo, tiên tiến và đáng tin cậy, các công nghệ năng lượng và các cơ chế liên quan khác để: Cải thiện sức khỏe và chất lượng cuộc sống của người dân; tăng hiệu lực và hiệu quả chi phí vận hành và cung cấp các dịch vụ dân sự; thúc đẩy phát triển kinh tế; tạo ra một cộng đồng ở đó người dân cảm thấy tốt hơn về các mặt an toàn, an ninh, bền vững, có sức chống chịu, đáng sống và đáng làm việc. Liên minh Viễn thông quốc tế (ITU) cho rằng thành phố thông minh bền vững (Smart Sustainable City) là thành phố sáng tạo, sử dụng CNTT- TT và các phương tiện khác để nâng cao chất lượng cuộc sống, hiệu quả

của các dịch vụ và hoạt động đô thị, nâng cao tính cạnh tranh, đáp ứng được các yêu cầu kinh tế, xã hội, môi trường và văn hóa của các thế hệ hiện tại và tương lai. Đồng thời, ITU đã khuyến nghị triển khai thành phố thông minh trên 6 trụ cột bao gồm: Quản trị thông minh (Smart Governance), Kinh tế thông minh (Smart Economy), Môi trường thông minh (Smart Environment), Giao thông thông minh (Smart Mobility), Đời sống thông minh (Smart Living), Công dân thông minh (Smart Citizen).

Theo Tập đoàn dữ liệu quốc tế (IDC), Chuyển đổi số là việc sử dụng dữ liệu và công nghệ số để thay đổi một cách tổng thể và toàn diện tất cả các khía cạnh của đời sống kinh tế - xã hội, tái định hình cách chúng ta sống, làm việc và liên hệ với nhau. Khác với ứng dụng CNTT, chuyển đổi số nghĩa là thay đổi quy trình mới, thay đổi mô hình hoạt động mới, để cung cấp dịch vụ mới hoặc cung cấp dịch vụ đã có theo cách mới, tạo ra giá trị mới. Xét về mức độ ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số có thể chia thành 3 cấp độ: Digitization (Số hóa nội dung), Digitalization (Số hóa quy trình) và Digital Transformation (Chuyển đổi số). Xét về mô hình triển khai, chuyển đổi số bao gồm: Chuyển đổi số trong Chính phủ và cơ quan nhà nước các cấp (hình thành Chính phủ số/Chính quyền số), chuyển đổi số nền kinh tế (hình thành Kinh tế số) và chuyển đổi số trong xã hội (hình thành Xã hội số, công dân số, văn hóa số).

Như vậy, đô thị thông minh và Chuyển đổi số có một số điểm tương đồng: đô thị thông minh và Chuyển đổi số đều dựa trên công nghệ số để làm đòn bẩy và động lực thúc đẩy; Dữ liệu số là yếu tố then chốt trong đô thị thông minh và Chuyển đổi số.

Xét về bản chất, đô thị thông minh và Chuyển đổi số là hai khái niệm khác nhau. Đô thị thông minh là mô hình, là hình thái phát triển của thành phố/đô thị tương lai. Trong khi đó, Chuyển đổi số là quá trình, là cách làm, phương pháp làm. Theo Microsoft, đô thị thông minh là kết quả (outcome) của quá trình chuyển đổi số. Mục tiêu cuối cùng của đô thị thông minh là người dân, lấy người dân làm trung tâm; mọi giải pháp, cách làm đều dựa trên lợi ích của người dân, do đó chỉ tiêu quan trọng nhất của đô thị thông minh là chất lượng cuộc sống người dân (quality of life) bên cạnh các chỉ tiêu khác như năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, môi trường bền vững,... Trong khi đó, Chuyển đổi số là hoạt động sáng tạo phá hủy, mang tính tiến hóa. Mục tiêu của Chuyển đổi số là thay đổi quy trình mới, tạo ra mô hình kinh doanh mới, cung cấp dịch vụ mới.

Chuyển đổi số trước tiên là thay đổi thể chế, chuyển đổi về nhận thức, từ đó thay đổi cách làm, và sử dụng công nghệ số để thực thi, đạt mục đích. Do đó,

phạm vi của Đề án Chuyển đổi số không chỉ triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án liên quan đến CNTT, phát triển hạ tầng số, dữ liệu số, nền tảng và ứng dụng thông minh, mà còn triển khai các nhiệm vụ quan trọng khác như: kiến tạo thể chế, đổi mới khu vực công, cải cách quy trình; chuyển đổi nhận thức trong cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân; đào tạo kỹ năng số, phát triển nhân lực số,... Trong Chuyển đổi số, sẽ kế thừa các kết quả triển khai chương trình, dự án của Đề án đô thị thông minh, bổ sung thêm các nhiệm vụ khác để triển khai thành công 03 trụ cột Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số; đồng thời tạo cơ chế, chính sách, kích cầu, huy động để từng người dân, doanh nghiệp cũng tham gia và có hoạt động cần thiết để là doanh nghiệp số, công dân số.

II. THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ SỐ HOÁ CỦA TỈNH ĐỒNG THÁP

1. Hiện trạng ứng dụng công nghệ thông tin

1.1. Về cơ chế, chính sách và tuyên truyền, nâng cao nhận thức

Thời gian qua, trên cơ sở chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và tình hình thực tiễn của địa phương, tỉnh Đồng Tháp cụ thể hoá thành những chương trình, kế hoạch và những văn bản chỉ đạo để đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, tạo tiền đề cho việc chuyển đổi số.

- Chương trình hành động số 216-CTr-/TU ngày 23 tháng 7 năm 2015 về thực hiện Nghị quyết số 36/NQ-TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

- Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 về thực hiện chương trình hành động số 216-CTr-/TU ngày 23 tháng 7 năm 2015 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

- Kế hoạch số 195-KH/TU ngày 28 tháng 02 năm 2020 về thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị về chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Quyết định số 1232/QĐ-UBND.HC ngày 31 tháng 12 năm 2020 về phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Đồng Tháp, phiên bản 2.0.

- Kế hoạch tuyên truyền số 30/KH-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh Đồng Tháp về tuyên truyền nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về CNTT được quan tâm, chú trọng; nhận thức của lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp về vai trò và tầm quan trọng của ngành CNTT được nâng cao, đặc biệt trong bối cảnh thời đại CMCN 4.0 và yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của tỉnh.

Hàng năm, tỉnh đã triển khai tuyên truyền, đăng tải nhiều tin, bài viết, phóng sự trên Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh, các Trang thông tin điện tử thành phần, các cơ quan thông tấn, báo chí và các phương tiện truyền thông khác; tập trung vào phổ biến hiệu quả, lợi ích, kết quả đạt được trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, tiện ích thông minh mang đến cho người dân...

Ngoài ra, Sở Thông tin và Truyền thông triển khai nhiều hoạt động đào tạo, tập huấn công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động lực lượng đoàn viên thanh niên, các hội quán nông dân của tỉnh, hướng dẫn trực tiếp cho người dân tạo tài khoản công dân điện tử, nộp hồ sơ trực tuyến, theo dõi, tra cứu tình hình xử lý hồ sơ, sử dụng các ứng dụng thông minh...

1.2. Về hạ tầng số

- 100% CBCC được trang bị máy tính phục vụ công việc; tỷ lệ máy tính/CBCC đạt 126,3%.

- 100% cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp huyện đã thiết lập mạng nội bộ (LAN) và mạng internet băng thông rộng; các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh, UBND cấp huyện, xã kết nối mạng diện rộng tỉnh (WAN).

- Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh thiết kế theo mô hình điện toán đám mây dùng riêng (Private Cloud) được nâng cấp, mở rộng, đây là nền tảng cơ bản triển khai các ứng dụng dùng chung như: Hệ thống mail công vụ; Cổng Thông tin điện tử tỉnh và cổng thành phần của các sở, ngành, địa phương; hệ thống phần mềm một cửa điện tử và dịch vụ công; phần mềm quản lý văn bản và điều hành; phần mềm GIS(2) dùng chung, trực liên thông dữ liệu nội bộ LGSP(3)... Ngoài ra, ngành Tài nguyên và Môi trường, Y tế tập trung đầu tư trang thiết bị để triển

(2). Geographic Information System.

(3). Local Government Service Platform.

khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, trong đó, hệ thống thiết bị của ngành Y tế đã lắp đặt tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh.

- Hạ tầng viễn thông tiếp tục phát triển. Đến cuối năm 2020, 100% các khóm, ấp đều có đường truyền Internet cáp quang FTTx và mạng di động 2G, 3G, 4G với 4.774 trạm thu, phát sóng thông tin di động (gồm 1.312 trạm 2G, 1.698 trạm 3G và 1.764 trạm 4G); tổng băng thông đường truyền liên tỉnh của các doanh nghiệp viễn thông đạt gần 1 Tbps; có 36.483 thuê bao điện thoại cố định (tỷ lệ 2,3 thuê bao/100 dân và đang có xu hướng giảm dần do người dùng chuyển dần sang thuê bao di động), tổng số điện thoại di động đạt 1,809.302 thuê bao (tỷ lệ 113,1 thuê bao/100 dân); 1.185.561 thuê bao Internet (tỷ lệ 74,1 thuê bao/100 dân), trong đó, có 262.277 thuê bao băng rộng cố định (tỷ lệ 16,4 thuê bao/100 dân), có 923.284 thuê bao băng rộng di động (tỷ lệ 57,7 thuê bao/100 dân).

- Hạ tầng bưu chính, chuyển phát: Toàn tỉnh có 15 doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát với 219 điểm phục vụ, bán kính bình quân 2,22 km, số người dân được phục vụ/01 điểm là 7.305 người. Hệ thống các điểm phục vụ bưu chính tiếp tục được duy trì, đổi mới hoạt động và phát triển thêm nhiều dịch vụ mới. Tỉnh triển khai rà soát, hoàn thiện nền tảng Mã địa chỉ bưu chính - Vpostcode gắn với bản đồ số - Vmap tham gia phát triển Chính phủ điện tử, thúc đẩy thương mại điện tử, đóng góp cho phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Hạ tầng truyền thông: Hệ thống phát thanh, truyền thanh, truyền hình gồm có: Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; 12 Đài Truyền thanh cấp huyện; 143 Đài Truyền thanh cơ sở cấp xã và 05 Đài truyền thanh của 05 Đoàn Biên phòng, các cụm loa được đầu tư đến ấp. Triển khai được 35/143 (chiếm 24,5 %) Đài Truyền thanh cơ sở cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông với 525 cụm loa. Tỉnh triển khai hoàn thành Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất trên địa bàn tỉnh.

Nhìn chung, hạ tầng CNTT đáp ứng được việc duy trì và vận hành chính quyền điện tử. Tuy nhiên, Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh chỉ đáp ứng một phần nhu cầu lưu trữ, chưa đáp ứng về số lượng, chất lượng và giải pháp công nghệ, đặc biệt chưa mở rộng năng lực tính toán, lưu trữ để triển khai các ứng dụng trí tuệ nhân tạo, xử lý dữ liệu lớn, đồng thời không có khả năng phòng chống phá hoại làm ngừng hoạt động và mất dữ liệu. Vì vậy, nâng cấp hạ tầng phục vụ chính quyền số để đáp ứng nhu cầu phục vụ hạ tầng cho các ứng dụng của tỉnh trong thời gian sắp tới là nhiệm vụ cần thiết và cấp bách.

1.3. Về dữ liệu số

Đồng Tháp đã xây dựng và cập nhật các CSDL nền như CSDL công dân (khoảng 625.000); CSDL cán bộ công chức, viên chức; CSDL đất đai; CSDL doanh nghiệp; CSDL hộ tịch; CSDL tài sản công; CSDL thủ tục hành chính; CSDL học sinh, CSDL khám chữa bệnh,... Tuy nhiên, còn thiếu nhiều cơ sở dữ liệu quan trọng phục vụ công tác quản lý và hầu hết các CSDL này còn cát cứ, rời rạc, chưa được chia sẻ giữa các cơ quan do vướng các quy định chuyên ngành. Một số CSDL cập nhật chưa đầy đủ nên tính khả dụng của dữ liệu còn thấp.

1.4. Về nền tảng số

Từ năm 2016, tỉnh đã xây dựng và ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Đồng Tháp phiên bản 1.0 để làm nền tảng cho việc triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, qua đó, các hệ thống thông tin, CSDL được tích hợp, kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với nhau. Đã được nâng cấp lên phiên bản 2.0 từ ngày 31/12/2020.

Năm 2019, Đồng Tháp triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) dựa trên WSO2, đến nay đã hoàn thành các chức năng nền tảng dùng chung và một số CSDL dữ liệu dùng chung, bao gồm: Trục liên thông dữ liệu tỉnh, CSDL dân cư, CSDL doanh nghiệp, CSDL bảng mã dùng chung, thủ tục hành chính, đơn vị hành chính. Trong năm 2020, đã tích hợp xác thực, đăng nhập một lần Hệ thống một cửa điện tử tỉnh và LDAP của tỉnh qua LGSP, xác thực tài khoản công dân/doanh nghiệp điện tử và CSDL dân cư, doanh nghiệp qua LGSP. Hoàn thành kết nối, tích hợp với một số CSDL quốc gia: CSDL Văn bản quy phạm pháp luật, CSDL đăng ký kinh doanh,... qua NGSP, hoàn thành kết nối với hệ thống thanh toán trực tuyến qua Paygov trên môi trường thực tế (production).

Nền tảng tích hợp, chia sẻ của tỉnh Đồng Tháp đã hoàn thành kết nối với (NGSP) các dịch vụ: Liên thông về Lý lịch tư pháp; Khai thác CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; Liên thông về bưu chính công ích (VNPost); Khai thác CSDL Văn bản Quy phạm pháp luật; Cổng TTĐT PayGov - Bộ Thông tin và Truyền thông; Đang triển khai thực hiện tích hợp các dịch vụ còn lại gồm: Khai thác CSDL Hộ gia đình tham gia BHXH; Liên thông TNMT – Thuế; Liên thông về Hộ tịch điện tử; Danh mục điện tử dùng chung – Bộ Thông tin và Truyền thông; Cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách Bộ Tài chính.

Đồng Tháp đáp ứng được các nền tảng kết nối, liên thông của các Bộ, Ngành trung ương. Tuy nhiên, một số sở, ngành tỉnh đã hoặc đang triển khai các

ứng dụng chưa đáp ứng Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Đồng Tháp, đặc biệt là việc tích hợp và kết nối liên thông với nhau.

1.5. Về ứng dụng, dịch vụ Chính quyền điện tử

- Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh đã cung cấp trên 15.000 tài khoản, bảo đảm 100% cán bộ, công chức đều có hộp thư công vụ để trao đổi công việc. Đồng thời, dùng làm tài khoản đăng nhập để sử dụng các dịch vụ, phần mềm dùng chung của Tỉnh.

- Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành triển khai cho tất cả các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của nhà nước ở cả 03 cấp tỉnh - huyện - xã và một số cơ quan mặt trận, đoàn thể, doanh nghiệp tác nghiệp, xử lý văn bản qua môi trường mạng; 100% văn bản đi, đến giữa các cơ quan nhà nước trực thuộc tỉnh đều được trao đổi dưới dạng văn bản điện tử có ký số theo quy định (trừ văn bản mật).

- Hệ thống báo cáo kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Tháp đã được đưa vào vận hành giai đoạn 2010 - 2015. Tuy nhiên, chưa phát huy hiệu quả cao, tỉnh đang tiến hành các thủ tục nâng cấp Hệ thống thông tin báo cáo từ xây dựng phần mềm sang thuê dịch vụ, bảo đảm phù hợp với yêu cầu liên thông, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan Trung ương.

- Hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến đã triển khai đến 100% cơ quan hành chính trên địa bàn Tỉnh; cung cấp 787 dịch vụ công trực tuyến mức 3, 4 (671 dịch vụ công trực tuyến mức 4, 116 dịch vụ công trực tuyến mức 3), đạt tỷ lệ 42,2% so với tổng số thủ tục hành chính của Tỉnh.

- Hệ thống Hội nghị truyền hình tỉnh phát huy hiệu quả, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tổ chức hội nghị. Bình quân mỗi tháng phục vụ khoảng 20 cuộc hội nghị trực tuyến cho tất cả các cơ quan trên địa bàn tỉnh, trong đó, có những hội nghị lên đến 150 điểm cầu (cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã) với sự tham gia của khoảng 10.000 đại biểu tham dự.

Các hệ thống, ứng dụng CNTT đã được khai thác, sử dụng hiệu quả trong hoạt động của cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh và đạt kết quả tích cực trong cải cách hành chính. Tuy nhiên, hiệu quả sử dụng DVCTT mức độ 3, 4 của người dân chưa cao.

1.6. Về ứng dụng, dịch vụ đô thị thông minh

Hiện tại tỉnh chưa ban hành kiến trúc tổng thể đô thị thông minh tuy nhiên qua khảo sát thực tế tỉnh đã và đang triển khai các nội dung như sau:

- Quản trị thông minh: Đã triển khai các hệ thống: dịch vụ giám sát dịch vụ công; dịch vụ giám sát giao thông (13 camera của Công an tỉnh bố trí dọc tuyến cầu Cao Lãnh – Vàm Cống); dịch vụ giám sát an ninh trật tự đô thị (370 camera của TP Cao Lãnh và hơn 2.000 camera nằm rải rác trên toàn tỉnh theo nguồn vốn xã hội hóa); dịch vụ giám sát an toàn thông tin (SOC của CMC).

- Môi trường thông minh: Triển khai 154 trạm quan trắc môi trường nước mặt, nước thải, không khí trên địa bàn tỉnh.

1.7. Ứng dụng trong cơ quan Đảng, Mặt trận và các tổ chức chính trị, xã hội

Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, Quyết định số 260-QĐ/TW, phần lớn các cấp uỷ, tổ chức đảng và lãnh đạo các sở, ngành Tỉnh, địa phương rất quan tâm chỉ đạo, kịp thời ban hành các văn bản cụ thể hóa và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Trung ương, Chương trình hành động của Tỉnh uỷ và các quy định của Chính phủ trong việc tin học hoá các hoạt động công vụ, triển khai các ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, góp phần thay đổi phong cách làm việc, nâng cao hiệu quả công tác chuyên môn, nhất là trong quản lý của các cơ quan, bảo đảm được sự chính xác và kịp thời trong quá trình xử lý công việc. Hạ tầng kỹ thuật tiếp tục được trang bị, bổ sung có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu trong cả nước, đáp ứng yêu cầu triển khai và quản lý các ứng dụng công nghệ thông tin gắn với yêu cầu cải cách hành chính.

Đến cuối năm 2019, các cơ quan Đảng tỉnh Đồng Tháp đã trang bị được 704 máy tính bàn cho người sử dụng, 26 máy tính bàn cho quản trị mạng, 157 máy tính xách tay và 257 máy in bố trí thay thế cho người sử dụng từ Tỉnh, đến huyện uỷ, thị uỷ, thành uỷ và tương đương và 12 thiết bị router bổ sung cho 12 huyện uỷ, thị uỷ, thành uỷ. Mỗi đảng uỷ xã, phường, thị trấn được bố trí 01 máy in, máy bàn, và trang bị hệ điều hành Windows 10 Pro, phần mềm diệt virus có bản quyền. Hệ thống mạng diện rộng của Đảng bộ Tỉnh sử dụng đường truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng đã kết nối đến 12 huyện uỷ, thị uỷ, thành uỷ; 03 Đảng uỷ (Công an Tỉnh, Quân sự Tỉnh, Bộ đội Biên phòng Tỉnh) đúng theo Hướng dẫn số 28-HD/VPTW ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Văn phòng Trung ương Đảng đến nay hoạt động ổn định, an toàn, an ninh thông tin, tách biệt với mạng Internet. Các đơn vị có nhu cầu sử dụng internet được yêu cầu sử dụng máy tính riêng để truy cập Internet và gửi nhận văn bản trên Internet, độc lập với mạng diện rộng của Đảng.

Về ứng dụng, hệ thống Thông tin Điều hành tác nghiệp trên giao diện Web đã được triển khai tại Văn phòng Tỉnh uỷ, các ban Đảng trực thuộc Tỉnh

ủy, các huyện ủy, thành ủy và các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; Phần mềm Quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên từ phiên bản 2.6 đã được nâng cấp lên 3.0 đảm bảo tiến độ theo Kế hoạch số 17-KH/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương. Cơ sở dữ liệu Văn kiện Đảng của Tỉnh ủy và các huyện ủy, thành ủy đều được cập nhật, bổ sung đầy đủ vào cơ sở dữ liệu quản lý và khai thác, hạn chế khai thác bằng văn bản giấy, đến nay đã cơ bản hoàn thành việc cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu Văn kiện Đảng; Phần mềm “Quản lý tài liệu các cuộc Hội nghị của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy” được sử dụng thường xuyên, liên tục tại các hội nghị, không sử dụng văn bản giấy (trừ Văn bản “Tối mật”, “Tuyệt mật”); Phần mềm Giao việc của Thường trực trên mạng Internet hoạt động đạt hiệu quả thiết thực, giúp cho Lãnh đạo Văn phòng, các chuyên viên theo dõi chặt chẽ việc ra thông báo ý kiến của Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ, Thường trực sau các cuộc hội nghị. Ngoài ra, còn nhiều phần mềm được viết, đưa vào sử dụng như quản lý giấy đi đường, quản lý sách, quản lý chi phí, quản lý nghỉ phép, tổng hợp ý kiến... các phần mềm trên được phát triển trên môi trường Lotus Notes. Văn phòng đã đầu tư trang bị phần mềm kế toán MISA, quản lý tài sản Đảng bộ Tỉnh, chạy tập trung trên hệ thống mạng nội bộ của Tỉnh ủy, các mẫu biểu được cập nhật, bổ sung kịp thời theo yêu cầu của Bộ Tài chính và Văn phòng Trung ương Đảng.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển được chú trọng. Trình độ tin học của cán bộ, công chức, đặc biệt là cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý được nâng lên. Đội ngũ nhân lực công nghệ thông tin tiếp tục được kiện toàn, tăng về số lượng và nâng cao về trình độ, đủ khả năng giải quyết các vấn đề nghiệp vụ phát sinh và tạo ra các giải pháp hữu ích cho các ứng dụng thực tế.

1.8. Về ứng dụng CNTT phát triển kinh tế

1.8.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nông nghiệp và xây dựng nông thôn

Việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong nông nghiệp đã được các ngành, địa phương quan tâm, có thể kể đến mô hình Xây dựng hệ thống thủy lợi nội đồng, tưới tiết kiệm nước ứng dụng giải pháp công nghệ IoT quy mô 170 ha tại Hợp tác xã Mỹ Đông 2, huyện Tháp Mười; Hệ thống giám sát sâu rầy thông minh; Mô hình phun thuốc trừ sâu bằng máy bay không người lái; Mô hình Cây xoài nhà tôi của Hợp tác xã xoài Mỹ Xương huyện Cao Lãnh; Mô hình cây cam vườn tôi của nông dân Võ Văn Nang, xã Tân Thuận Đông thành phố Cao Lãnh; Mô hình Ruộng nhà mình của HTX Thuận Tiến huyện Cao Lãnh và HTX Tiến Cường huyện Tam Nông,...

Tuy nhiên việc ứng dụng công nghệ thông tin trong nông nghiệp cũng còn ở mức khiêm tốn, các mô hình còn mang tính tự phát, rời rạc, cần phải được đánh giá hiệu quả và nhân rộng mô hình trong thời gian tới.

1.8.2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch

Những năm gần đây việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quảng bá du lịch được tỉnh Đồng Tháp chú trọng. Cuối năm 2019, Đồng Tháp đã đưa vào vận hành Cổng thông tin du lịch thông minh và ứng dụng di động du lịch thông minh hỗ trợ du khách như thông tin về hướng dẫn viên du lịch, doanh nghiệp lữ hành nội địa và quốc tế, doanh nghiệp vận chuyển khách du lịch, cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở ăn uống, mua sắm, thanh toán dịch vụ du lịch trực tuyến...; tiếp nhận phản hồi và xử lý phản hồi thông tin khách du lịch; chức năng thống kê, báo cáo phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về du lịch. Đồng thời tổ chức các kênh cung cấp thông tin về các điểm tham quan, sản phẩm và dịch vụ du lịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp cho các Trang tin điện tử chuyên về du lịch, mạng xã hội; phối hợp với các nhà cung cấp dịch vụ thông tin có uy tín thực hiện truyền thông, quảng cáo qua tin nhắn, các ứng dụng phổ biến...

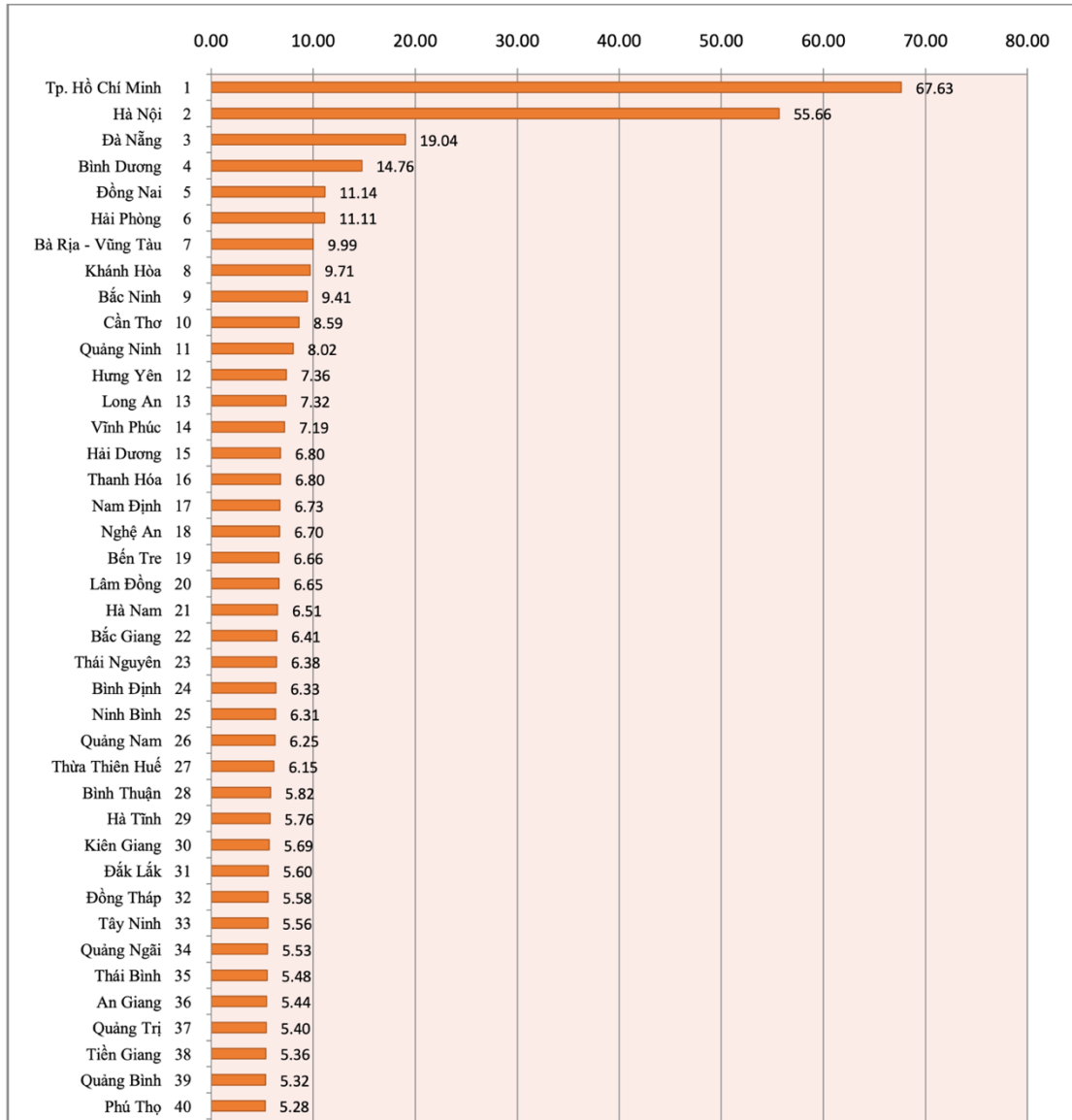
1.8.3. Thanh toán điện tử trong các dịch vụ thiết yếu:

Với sự ra đời nhanh chóng của hàng loạt ngân hàng trực tuyến, ví điện tử kèm theo những chính sách khuyến mãi khi thanh toán điện tử, rất nhiều tổ chức cá nhân đã chuyển sang sử dụng hình thức thanh toán điện tử khi mua sắm, thanh toán các dịch vụ thiết yếu như: điện, nước, cước viễn thông, truyền hình trả tiền,... Hiện nay khách hàng sử dụng dịch vụ cấp thoát nước, thu gom rác thanh toán qua ngân hàng đạt 17.500 (khoảng 10%), thanh toán qua ví điện tử đạt 72.000 (khoảng 40%); Thanh toán dịch vụ viễn thông không dùng tiền mặt VNPT đạt khoảng 21%, Viettel đạt khoảng 12%....

1.8.4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển thương mại điện tử

Xác định xu hướng phát triển thương mại điện tử là tất yếu, ngay từ năm 2010, UBND tỉnh Đồng Tháp đã chỉ đạo Sở Công Thương phối hợp với các ngành liên quan xây dựng kế hoạch phát triển thương mại trên địa bàn tỉnh, qua gần 10 năm triển khai, tỉnh đã hỗ trợ nhiều lớp tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng thương mại điện tử cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh với gần 1.500 lượt người tham gia, hỗ trợ 12 doanh nghiệp thiết lập website, sử dụng thư điện tử với tên miền dùng riêng để quảng bá thương hiệu, sản phẩm trên mạng internet, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử Tiki, Postmart, Voso, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng chữ ký số trong giao dịch điện

tử, xây dựng các dịch vụ công trực tuyến mức 3,4... Nhờ đó, nhiều doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhận thức rõ được lợi ích của thương mại điện tử và chủ động hơn trong việc chuyển đổi mô hình kinh doanh truyền thống sang thương mại điện tử. Năm 2020, theo đánh giá của Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam, tỉnh Đồng Tháp xếp hạng 32 trên toàn quốc về Chỉ số Thương mại điện tử.



Biểu đồ 3: Xếp hạng Chỉ số Thương mại điện tử Việt Nam năm 2021

1.8.5 Ứng dụng công nghệ thông tin trong Doanh nghiệp

Hiện tại, toàn tỉnh có khoảng 4.244 đang hoạt động. Hầu hết các doanh nghiệp lớn đều chú trọng việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động điều hành, sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, vẫn chưa quan tâm nhiều đến việc thay đổi mô hình hoạt động dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin.

1.9. Về ứng dụng CNTT trong xã hội

Với hạ tầng viễn thông rộng khắp, đảm bảo khả năng tiếp cận và sử dụng CNTT của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, đã góp phần giảm khoảng cách số, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục và y tế.

Tỉnh Đồng Tháp có tỷ lệ thuê bao điện thoại di động với tỷ lệ 113,1%; trong đó số lượng thuê bao điện thoại di động sử dụng Smartphone với 70,5%. Đặc biệt, 55,8% hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cố định và 74,1% người dân tiếp cận, sử dụng Internet; 100% doanh nghiệp có kết nối Internet băng rộng cố định, 100% trường học có kết nối Internet băng rộng cố định; 100% bệnh viện có kết nối Internet băng rộng cố định. Toàn tỉnh hiện có khoảng 1.044.665 tài khoản Zalo cá nhân, 41 tài khoản Zalo OA, và rất nhiều tài khoản Facebook, Instagram, giúp cho việc kinh doanh trực tuyến, trao đổi công việc của các tổ chức, cá nhân được thuận tiện, nhanh chóng.

Bảng 5. Tỷ lệ sử dụng Internet và điện thoại tại Đồng Tháp cuối năm 2020

STT	Nội dung	Kết quả (%)
1	Tỷ lệ điện thoại cố định/100 dân	2,3
2	Tỷ lệ điện thoại di động/100 dân	113,1
3	Tỷ lệ người dùng Internet/100 dân	74,1
4	Tỷ lệ băng rộng cố định/100 dân	16,4
5	Tỷ lệ băng rộng không dây/100 dân	57,7
6	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cố định.	55,8
7	Tỷ lệ doanh nghiệp có Internet	100

Trong lĩnh vực Giáo dục, 100% trường học các cấp đã kết nối Internet băng rộng và sử dụng phần mềm quản lý trường học (quản lý thông tin học sinh, giáo viên, quản lý kết quả học tập,...). Trong thời điểm dịch bệnh Covid-19, ứng dụng CNTT được triển khai hiệu quả trong các trường học, đặc biệt trong công tác dạy, học trực tuyến.

Trong lĩnh vực Y tế, 100% bệnh viện, trung tâm y tế huyện sử dụng phần mềm quản lý bệnh viện điện tử và 100% trạm y tế xã, phường sử dụng phần mềm dùng chung hỗ trợ cho công tác quản lý khám chữa bệnh, quản lý bệnh nhân. Bên cạnh đó, Sở Y tế đã đưa vào vận hành Hệ thống Hội chẩn y tế từ xa giữa các bệnh viện trong tỉnh. Từ khi đưa vào sử dụng các đơn vị trực thuộc đã

thực hiện được nhiều ca hội chẩn, hỗ trợ kỹ thuật đối với những ca khó, cấp cứu để người bệnh có thể được can thiệp và hỗ trợ tư vấn kịp thời bởi đội ngũ bác sĩ ở tuyến trên. Năm 2020, Sở Y tế đã đưa vào vận hành hệ thống thông tin quản lý ngành Y tế, thực hiện việc kết nối dữ liệu trực tuyến với tất cả các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn và hình thành kho dữ liệu y tế điện tử của hơn 1,1 triệu người dân. Tại Sở Y tế đã có thể giám sát và điều hành công tác khám, chữa bệnh theo thời gian thực. Sở Y tế Đồng Tháp đã phát hành ứng dụng di động Y tế Đồng Tháp cho phép người dân tiếp cận dễ dàng với các dịch vụ của ngành Y tế trên môi trường mạng. Hiện nay, tất cả các bệnh viện trên toàn tỉnh đã triển khai dịch vụ tiếp nhận đặt hẹn khám theo giờ từ xa thông qua ứng dụng di động này. Với hiện trạng nêu trên, ngành Y tế Tỉnh có mức độ sẵn sàng cao về ứng dụng CNTT và có nhiều thuận lợi để thực hiện Chuyển đổi số toàn diện trong thời gian tới.

1.10. Về đảm bảo an ninh mạng

- Hầu hết các hệ thống thông tin, ứng dụng dùng chung của Tỉnh đều được cài đặt và lưu trữ dữ liệu tại Trung tâm tích hợp dữ liệu Tỉnh. Tuy nhiên, để bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin đạt tiêu chuẩn cấp độ 3, Tỉnh đang đầu tư thêm một số thiết bị và phê duyệt danh sách các hệ thống thông tin, ứng dụng dùng chung được cài đặt tại Trung tâm tích hợp dữ liệu Tỉnh. Ngoài ra, do nguồn nhân lực chuyên trách về an toàn thông tin của địa phương còn hạn chế, Tỉnh thuê Công ty CMC Cyber Security giám sát 100% thiết bị, hệ thống thông tin tại Trung tâm tích hợp dữ liệu Tỉnh.

- Hiện, triển khai 4/4 lớp bảo đảm an toàn thông tin, gồm: Lực lượng tại chỗ; Thuê doanh nghiệp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp; Kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia; Kiểm tra, đánh giá định kỳ.

- Hầu hết các máy tính của các cơ quan nhà nước đều cài đặt phần mềm phòng chống mã độc đồng thời kết nối chia sẻ thông tin, dữ liệu thống kê tình hình lây nhiễm mã độc với hệ thống kỹ thuật của Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

- Hoạt động ứng cứu sự cố máy tính được duy trì thường xuyên, liên tục, hỗ trợ kịp thời cho các địa phương, đơn vị trên địa bàn Tỉnh khi gặp các sự cố về hệ thống⁽⁴⁾. Tuy nhiên, đối với những sự cố nghiêm trọng thì lực lượng tại chỗ không đủ khả năng đáp ứng. Công tác đào tạo, diễn tập về an toàn thông tin

⁽⁴⁾. Xử lý mã độc, phục hồi dữ liệu từ hệ thống sao lưu dự phòng, nâng cấp, bổ sung hạ tầng, thay thế thiết bị hư hỏng...

mạng cho đội ngũ chuyên trách công nghệ thông tin trên địa bàn Tỉnh được thực hiện hằng năm. Tuy nhiên, hiệu quả chưa được như kỳ vọng, vì đội ngũ này phải kiêm nhiệm khá nhiều việc tại đơn vị công tác, không có thời gian nghiên cứu sâu các kỹ thuật tấn công, phòng thủ và tự cập nhật những kiến thức mới về an toàn thông tin nên khá lúng túng khi xảy ra sự cố.

1.11. Về nhân lực CNTT

- Trình độ ứng dụng CNTT của người dân trên địa bàn Tỉnh được cải thiện, nhờ sự gia tăng nhanh chóng về số lượng điện thoại thông minh và máy tính xách tay. Hầu hết người dùng điện thoại thông minh đều có thể sử dụng được các dịch vụ cơ bản như: web, email, Zalo, Facebook... Tuy nhiên, khu vực nông thôn vẫn còn nhiều người vẫn chưa sử dụng thành thạo các dịch vụ này, vì vậy, hằng năm tỉnh đã tổ chức nhiều lớp phổ cập dịch vụ cơ bản trên internet kết hợp hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến để người dân thụ hưởng được những tiện ích của CNTT.

- Hầu hết các sở, ban, ngành Tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện đều có 01 đến 02 công chức chuyên trách về CNTT (trong đó, có nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin). Mặc dù có nhiều cố gắng, nhưng đội ngũ chuyên trách CNTT của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh vẫn chưa theo được sự phát triển nhanh chóng của ngành CNTT.

- Không chỉ ở các cơ quan nhà nước, lực lượng CNTT ngoài khu vực nhà nước trên địa bàn tỉnh vừa thiếu lại vừa yếu do thị trường nhỏ. Trước đây Trường Đại học Đồng Tháp và Trường Cao đẳng Cộng đồng có Khoa CNTT nhưng do ít sinh viên theo học nên đã sáp nhập với khoa khác, số lượng sinh viên CNTT theo học cũng giảm dần (hiện tại trường Đại học Đồng Tháp có 05 lớp CNTT và 01 lớp sư phạm CNTT với tổng 165 sinh viên theo học). Những sinh viên người Đồng Tháp theo học ngành CNTT ở các thành phố lớn như: TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ rất ít quay về làm việc ở địa phương. Có thể nói việc thu hút nguồn nhân lực CNTT luôn là vấn đề khó khăn của tỉnh Đồng Tháp.

1.12. Về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo

Trong thời gian qua, UBND tỉnh Đồng Tháp đã quan tâm và chỉ đạo quyết liệt việc triển khai các hoạt động hỗ trợ phát triển hệ sinh thái KNĐMST trên địa bàn, với mục tiêu thúc đẩy hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp và hoạt động KNĐMST của tỉnh; tạo lập môi trường thuận lợi để phát triển loại hình doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới... Đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư dự án

Trung tâm dịch vụ khởi nghiệp và trưng bày sản phẩm tại Khu công nghiệp Trần Quốc Toản cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn KNDT. Diện tích mặt đất sử dụng 9.089,3m², tổng vốn đầu tư 35 tỷ đồng. Mục tiêu dự án là khu dịch vụ cho thuê trưng bày sản phẩm; cho thuê phòng lab, cho thuê văn phòng và nhà xưởng để phục vụ cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Gồm 5 phòng trưng bày sản phẩm, 7 phòng lab, 15 phòng phục vụ cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, 8 nhà xưởng vừa và nhỏ để phục vụ cho các doanh nghiệp khởi nghiệp.

Công tác truyền thông, khuyến khích tinh thần khởi nghiệp nói chung và khởi nghiệp ĐMST nói riêng được duy trì thực hiện thường xuyên thông qua các cơ quan báo chí, Đài phát thanh truyền hình Đồng Tháp; Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp và Khởi nghiệp, Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn, Sở Giáo dục và Đào tạo, Hội doanh nhân trẻ, Hội nữ doanh nhân cùng phối hợp tổ chức nhiều hoạt động hướng đến việc truyền thông, khuyến khích tinh thần khởi nghiệp cho các đối tượng.

Website Khởi nghiệp và trang fanpage “Đàn Sếu khởi nghiệp” được cập nhật thông tin thường xuyên và kết nối cộng đồng khởi nghiệp đất Sen hồng. Đồng thời giới thiệu mô hình, dự án khởi nghiệp, tấm gương, câu chuyện khởi nghiệp tiêu biểu; thông tin rộng rãi và kịp thời về các lớp tập huấn, hội thảo các chuyên đề, kỹ năng, kiến thức về kinh doanh, chương trình xúc tiến thương mại,... Hiện nay, fanpage “Đàn Sếu khởi nghiệp” đã có hơn 10.000 người theo dõi, với hơn 12.000 người tiếp cận bài viết trong trung bình một tuần.

Hằng năm tổ chức cuộc thi khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tỉnh Đồng Tháp với mục tiêu hình thành, nuôi dưỡng và hỗ trợ phát triển các dự án khởi nghiệp có ứng dụng khoa học và công nghệ trong các ngành nông nghiệp, du lịch, chế biến thực phẩm ("Hệ thống điều khiển tưới thông minh" của ông Ngô Hùng Thắng - ấp Tân Bình, xã Tân Khánh Trung, huyện Lấp Vò, "Ứng dụng công nghệ mới để sản xuất hoa khô phục vụ trang trí" của ông Ngô Chí Công - 40/1 Trần Thị Nhượng, Khóm 2, Phường 4, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp,...)

Những chính sách thiết thực đã giúp hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp có nhiều chuyển biến tích cực, lan tỏa đến nhiều sở, ngành, địa phương, cũng như các tổ chức, cá nhân trên toàn Tỉnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình liên kết, hợp tác trong xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại địa phương vẫn tồn tại một số hạn chế, khó khăn nhất định như:

- Mức độ tiếp nhận và làm chủ công nghệ của tổ chức/ cá nhân còn hạn chế; yếu tố kỹ thuật, kỹ năng công nghệ thông tin, kỹ năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của nguồn nhân lực còn thấp; Khu vực công và doanh nghiệp chưa trở thành nòng cốt, đi tiên phong trong việc đổi mới sáng tạo; phần nhiều các dự án khởi nghiệp mang tính khởi nghiệp truyền thống, chưa có tính mới sáng tạo và đột phá.

- Các chính sách chưa thực sự thu hút mạnh mẽ doanh nghiệp để đầu tư vào hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

- Vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho các tài sản trí tuệ hay công nghệ rất quan trọng đối với doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, hiện tại các thủ tục đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ còn mất rất nhiều thời gian, hiệu quả thực thi quyền không cao.

2. Phân tích mô hình SWOT tác động đến việc chuyển đổi số của tỉnh Đồng Tháp

2.1. Điểm mạnh

- Sự năng động, sáng tạo, công khai, minh bạch của chính quyền trong quản lý điều hành; sự đồng thuận của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của Tỉnh. Nhiều năm liền tỉnh Đồng Tháp đứng top 3 trong bảng xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

- Chuyển đổi số được xác định là một trong các phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2020-2025 trong Báo cáo chính trị và Nghị quyết Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Sự phân bổ thành quả phát triển của tỉnh tương đối đồng đều trong nhân dân, giữa thành thị và nông thôn. Thu nhập người dân ở nông thôn tại Đồng Tháp cao hơn so với một số tỉnh trong khu vực.

- Người dân Đồng Tháp ham học hỏi, năng động, sáng tạo trong học tập và sản xuất.

- Hạ tầng kỹ thuật về viễn thông, công nghệ thông tin đạt mức khá so với mặt bằng chung của khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long (hạ tầng kỹ thuật: xếp hạng 16 năm 2018, hạng 11 năm 2019, hạng 22 năm 2020 so với cả nước). Xếp hạng 5 khu vực ĐBSCL năm 2020⁵. Trong đó:

⁵ Báo cáo ICT Index

+ Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cố định: Xếp hạng thứ 3/13 (55,8% trên tổng số hộ gia đình).

+ Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại di động thông minh: Xếp hạng thứ 7/13 (70,5% trên tổng số thuê bao điện thoại di động).

- Số người sử dụng điện thoại thông minh đạt mức khá cao (70% trên tổng số điện thoại di động).

- Những năm gần đây, tỉnh Đồng Tháp liên tục nằm trong nhóm 20 tỉnh, thành phố dẫn đầu về chỉ số sẵn sàng ứng dụng CNTT.

- Việc tiếp cận và ứng dụng công nghệ 4.0 đang được tỉnh quan tâm khuyến khích ứng dụng, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp.

2.2. Điểm yếu

- Nguồn lực của Tỉnh còn hạn chế, còn phụ thuộc vào sự hỗ trợ từ Trung ương, huy động vốn đầu tư từ các khu vực ngoài Nhà nước gặp nhiều khó khăn.

- Vị trí địa lý, điều kiện giao thông không thuận lợi để kết nối với các trung tâm kinh tế như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội,...

- Số lượng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn ít, đa số là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ.

- Một số tổ chức, cá nhân vẫn còn ý nghĩ đầu tư cho công nghệ là chuyển đổi số nên dễ rơi vào bẫy công nghệ, lãng phí chi phí đầu tư.

- Nguồn nhân lực CNTT thiếu và yếu, chưa có chính sách đặc biệt để giữ chân, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Ý thức đảm bảo an toàn thông tin của người dân chưa cao, dễ dàng cung cấp thông tin cá nhân cho các đối tượng lừa đảo.

- Tình trạng cát cứ thông tin vẫn còn tồn tại, nhất là ở các cơ quan nhà nước.

- Tỉnh Đồng Tháp không nằm trong vùng quy hoạch phát triển công nghiệp công nghệ thông tin.

2.3. Cơ hội

- Cả nước đang bước vào công cuộc chuyển đổi số với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự tham gia của toàn xã hội (Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị; Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;...).

- Mặc dù đại dịch COVID-19 gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển kinh tế xã hội nhưng lại là cơ hội để đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số.
- Nhiều tập đoàn lớn về viễn thông, công nghệ thông tin, thương mại điện tử, kinh tế chia sẻ đã có mặt tại Việt Nam.
- Nhiều nền tảng số "Make in Vietnam" đã được ra đời giúp cho việc chuyển đổi số được dễ dàng hơn, chi phí thấp hơn so với các sản phẩm ngoại.
- Từ năm 2022, Việt Nam chính thức tắt mạng di động 2G và có chính sách hỗ trợ cho người nghèo chuyển sang sử dụng mạng di động 3G, 4G. Đây sẽ là cơ hội lớn nhất để những đối tượng khó khăn nhất có thể tiếp cận công nghệ số. Mặt khác, mạng di động thế hệ 5 (5G) đã được vận hành chính thức ở các đô thị lớn, không lâu nữa sẽ nhân rộng trên toàn quốc, giúp cho việc truyền tải dữ liệu lớn được thuận lợi, nhanh chóng.

2.4. Thách thức

- Tình trạng thất thoát tri thức, chảy máu chất xám cũng là một thách thức to lớn cho quá trình chuyển đổi số của tỉnh.
- Tâm lý ngại thay đổi của người dùng khi chuyển từ phương thức làm việc truyền thống sang ứng dụng công nghệ số.
- Không có mô hình chung về chuyển đổi số nên việc lựa chọn phương thức, lộ trình và công nghệ tiềm ẩn nhiều rủi ro.
- Nguy cơ mất an toàn an ninh thông tin luôn hiện hữu và diễn biến phức tạp.
- Nhiệm vụ vừa phải chuyển đổi các công nghệ cũ nhưng cũng vừa phải đảm bảo tính kế thừa, đảm bảo tính liên thông giữa hệ thống mới và cũ là một thách thức không nhỏ trong điều kiện ngân sách hạn chế như hiện nay.

III. NỘI DUNG ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH ĐỒNG THÁP GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

1. Tầm nhìn, mục tiêu

1.1. Tầm nhìn đến năm 2030

Ứng dụng mạnh mẽ, tiên phong các công nghệ số, dữ liệu số trong tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền, phương thức sống, làm việc, sản xuất kinh doanh của người dân và doanh nghiệp trên cơ sở kế thừa và phát huy tiềm năng về văn hoá, con người, kinh tế, xã hội địa phương hướng đến phát triển Đồng Tháp thịnh vượng, ổn định và bền vững. Đến năm 2025, Đồng Tháp nằm trong top 20 và

đến năm 2030, Đồng Tháp nằm trong top 15 tỉnh, thành phố có chỉ số chuyển đổi số tốt nhất của cả nước⁶.

1.2. Mục tiêu đến năm 2025

Các chỉ tiêu cơ bản:

1.2.1. Chính quyền số

- 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến mức 4. Phần đầu có 70% dịch vụ hành chính công trực tuyến phát sinh hồ sơ. Có tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính;

- 100% dịch vụ công trực tuyến có chức năng định danh, xác thực một lần, thanh toán trực tuyến, cho phép thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng (*ngoại trừ những dịch vụ yêu cầu sự hiện diện bắt buộc theo quy định của pháp luật*); được cung cấp qua nhiều kênh truy cập; tự động điền dữ liệu sẵn có của người dùng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo nhằm tăng sự tiện lợi và trải nghiệm người dùng;

- 100% cơ quan nhà nước tham gia cung cấp dữ liệu mở phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

- 100% văn bản được trao đổi qua môi trường mạng dưới dạng văn bản điện tử (trừ văn bản mật). Trên 90% hồ sơ công việc cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc cấp huyện và 60% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng;

- Trên 90% hồ sơ thanh toán qua Kho bạc nhà nước được nộp trực tuyến (*trừ các hồ sơ có dung lượng file đính kèm quá lớn, vượt mức cho phép của hệ thống*);

- 100% cơ quan hành chính trên địa bàn Tỉnh tham gia sử dụng hệ thống thông tin báo cáo;

- Số hoá 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực;

- Trên 80% cuộc họp giữa cấp tỉnh với cấp huyện, cấp huyện với cấp xã được tổ chức theo hình thức Hội nghị trực tuyến;

⁶ VIETNAM ICT Index: Đồng Tháp hạng 23(2018), 12 (2019), 15 (2020). So với các tỉnh ĐBSCL, Đồng Tháp hạng 3 (2018), 3 (2019), 2(2020).

- Kết nối, khai thác 100% cơ sở dữ liệu quốc gia như: Dân cư, Đất đai, Đăng ký doanh nghiệp, Tài chính, Bảo hiểm... để chia sẻ cho các hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung trên địa bàn Tỉnh;

- 80% thiết bị trong điều tra, khảo sát, quan trắc, đo đạc đặc (trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường) sử dụng công nghệ số, bảo đảm thu nhận trực tiếp dữ liệu số, trong đó 70% tích hợp giải pháp thông minh sử dụng công nghệ Internet kết nối vạn vật (IoT);

- 100% tuyến quốc lộ, trên 50% tuyến tỉnh lộ được lắp đặt hệ thống camera giám sát giao thông;

- 100% lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số, kiến thức Chính quyền điện tử, nâng cao nhận thức về an toàn thông tin;

- Tối thiểu 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

1.2.2. Kinh tế số

- Khoảng 55% dân số trở lên tham gia mua sắm trực tuyến thông qua các sàn thương mại điện tử, mạng xã hội, các ứng dụng thương mại điện tử bán hàng và các website thương mại điện tử bán hàng...;

- Thanh toán không dùng tiền mặt trong thương mại điện tử đạt 50%, trong đó thanh toán thực hiện qua các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán chiếm 80%;

- 70% các giao dịch mua hàng trên website/ứng dụng thương mại điện tử có hóa đơn điện tử.

- Phần đầu 50% số xã và các đơn vị hành chính tương đương trên địa bàn tỉnh có thương nhân thực hiện hoạt động bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ trực tuyến.

- Có 50% doanh nghiệp vừa và nhỏ tiến hành hoạt động kinh doanh trên các sàn giao dịch thương mại điện tử, bao gồm mạng xã hội có chức năng sàn giao dịch thương mại điện tử.

- 100% các đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông, truyền hình trả tiền triển khai thu cước, phí theo hình thức không dùng tiền mặt.

- Trên 50% dịch vụ vận tải triển khai hình thức thu phí không dùng tiền mặt.

- Kinh tế số chiếm 20% GRDP;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%;
- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7%;

1.2.3. Xã hội số

- Hạ tầng mạng Internet băng rộng cố định (cáp quang) và băng rộng di động phủ đến 100% các khóm, ấp. Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cố định đạt trên 70%.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại thông minh. Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh đạt trên 90%.

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử đạt trên 40%.
- 50% dân số có kỹ năng số cơ bản.
- 90% hộ gia đình có địa chỉ Vpostcode.

1.3. Mục tiêu đến năm 2030

Các chỉ tiêu cơ bản:

1.3.1. Chính quyền số

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;

- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

- Trên 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính;

- 100% cơ quan nhà nước tham gia cung cấp dữ liệu mở, dưới định dạng máy có khả năng đọc.

- 100% hồ sơ thanh toán qua Kho bạc nhà nước được nộp trực tuyến (*trừ các hồ sơ có dung lượng file đính kèm quá lớn, vượt mức cho phép của hệ thống*);

- Trên 90% cuộc họp giữa cấp tỉnh với cấp huyện, cấp huyện với cấp xã được tổ chức theo hình thức Hội nghị trực tuyến;

- 100% thiết bị trong điều tra, khảo sát, quan trắc, đo đạc đặc (trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường) trên công nghệ số, thu nhận trực tiếp dữ liệu số, trong đó 90% sử dụng công nghệ IoT.

- 100% tuyến quốc lộ, tỉnh lộ được lắp đặt hệ thống camera giám sát giao thông.

- Tỉnh có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động (năm 2027).

1.3.2. Kinh tế số

- Khoảng 75% dân số trở lên tham gia mua sắm trực tuyến thông qua các sàn thương mại điện tử, mạng xã hội, các ứng dụng thương mại điện tử bán hàng và các website thương mại điện tử bán hàng...;

- Thanh toán không dùng tiền mặt trong thương mại điện tử đạt 80%, trong đó thanh toán thực hiện qua các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán chiếm trên 90%;

- Trên 95% các giao dịch mua hàng trên website/ứng dụng thương mại điện tử có hóa đơn điện tử.

- Trên 80% số xã và các đơn vị hành chính tương đương trên địa bàn tỉnh có thương nhân thực hiện hoạt động bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ trực tuyến.

- Có 80% doanh nghiệp vừa và nhỏ tiến hành hoạt động kinh doanh trên các sàn giao dịch thương mại điện tử, bao gồm mạng xã hội có chức năng sàn giao dịch thương mại điện tử.

- Trên 70% dịch vụ vận tải triển khai hình thức thu phí không dùng tiền mặt.

- Kinh tế số chiếm 30% GRDP.

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.

- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 8%.

1.3.3. Xã hội số

- Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang;

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G;

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử đạt 50%-60%.

- 70% dân số có kỹ năng số cơ bản.

- 100% hộ gia đình có địa chỉ Vpostcode

- Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cố định đạt trên 90%.

- Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh đạt 100%.

2. Đề xuất giải pháp và lộ trình thực hiện

2.1. Phát triển nền tảng cho chuyển đổi số

2.1.1. Chuyển đổi nhận thức

- Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành; đặc biệt là thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách; tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, người dân và doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số; chỉ đạo tái cấu trúc, đổi mới mô hình hoạt động, điều hành và mô hình nghiệp vụ từ “truyền thống” sang sử dụng dữ liệu số.

- Các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận, tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, công chức, viên chức, Đoàn thanh niên trong tham gia và thực hiện chuyển đổi số.

- Phát huy vai trò liên kết chuyển đổi số giữa các cơ quan nhà nước và các tổ chức, doanh nghiệp; giữa các hội, hiệp hội ngành nghề CNTT với các hội, hiệp hội chuyên ngành trong các lĩnh vực khác để tạo hiệu ứng lan tỏa ra xã hội.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội về chuyển đổi số. Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng. Xây dựng Chuyên mục về Chuyển đổi số trên các trang thông tin, cổng, các phương tiện thông tin đại chúng. Thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số, công nghệ số tại tỉnh nhằm trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, mô hình, giải pháp đã triển khai thành công.

- Hàng năm tổ chức sự kiện “Ngày chuyển đổi số” tại tỉnh Đồng Tháp kết hợp công bố và quảng bá các sản phẩm công nghệ số được sản xuất tại Đồng Tháp.

- Thiết lập Tổng đài và các kênh để truyền thông, hướng dẫn, hỗ trợ về chuyển đổi số; đồng thời để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

2.1.2. Cơ chế, chính sách

- Xây dựng các quy định, chính sách áp dụng tại địa phương để cụ thể hóa các quy định, chính sách của quốc gia về phát triển chính phủ số, chuyển đổi số và cơ chế, chính sách thí điểm các giải pháp chuyển đổi số (sandbox).

- Đưa nội dung phát triển công nghệ số, kinh tế số vào Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến 2050.

- Cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Đồng Tháp phù hợp Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và đáp ứng các yêu cầu về ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền điện tử và chuyển đổi số của quốc gia, tỉnh Đồng Tháp.

- Xây dựng Kiến trúc ICT phát triển dịch vụ đô thị thông minh phù hợp với Khung tham chiếu quốc gia.

- Ban hành Quyết định phê duyệt an toàn thông tin theo cấp độ cho các hệ thống thông tin của Tỉnh.

- Xây dựng các chính sách sử dụng dữ liệu số; trong đó ưu tiên sử dụng dữ liệu số thay thế thành phần hồ sơ, giấy tờ phải nộp trong cung cấp dịch vụ công và sử dụng dữ liệu số trong chỉ đạo, điều hành để phát triển kinh tế- xã hội. Xây dựng, ban hành Quy chế kết nối, quản lý và chia sẻ dữ liệu số trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, cá nhân triển khai sandbox để phát triển, thử nghiệm và áp dụng các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số nhằm thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng Quy định việc kết nối, chia sẻ dữ liệu của các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

2.1.3. Phát triển hạ tầng số

- Tiếp tục nâng cấp hạ tầng kỹ thuật viễn thông đảm bảo chất lượng dịch vụ internet băng rộng và phủ khắp đến các hộ gia đình; triển khai mạng 5G đảm bảo chất lượng cho các dịch vụ IoT,...

- Triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng ổn định, an toàn, thông suốt, từ cấp tỉnh đến cấp xã trên cơ sở tái cấu trúc mạng truyền số liệu chuyên

dùng hiện có và mạng diện rộng của Tỉnh theo hướng ưu tiên thuê dịch vụ, sử dụng hiệu quả mạng dùng riêng cho Chính phủ số, tuân thủ mô hình tham chiếu về kết nối mạng cho bộ, ngành, địa phương do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

- Trang bị, nâng cấp máy tính, các thiết bị đầu cuối và chứng thư số chuyên dùng để phục vụ kịp thời các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước.

- Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu Tỉnh theo mô hình điện toán đám mây dùng riêng kết nối với đám mây của Chính phủ nhằm tạo môi trường để lưu trữ, chia sẻ tài nguyên, phát triển dịch vụ được linh hoạt, hiệu quả, nhanh chóng.

- Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số.

- Kết nối hệ thống mạng giữa khối Đảng với khối Chính quyền và đưa vào sử dụng để trao đổi một số nội dung cần thiết nhằm phát huy hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành.

- Xây dựng, triển khai phương án ngừng dịch vụ mạng 2G và phát triển mạng 5G trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cấp, mở rộng, cải tạo Mạng WAN của tỉnh đáp ứng yêu cầu kết nối số.

- Triển khai chuyển đổi toàn bộ hệ thống ứng dụng của tỉnh sang sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6).

- Thiết lập Trung tâm giám sát điều hành thông minh của tỉnh (Intelligent Operation Center - IOC) để thực hiện quản lý, điều hành tập trung, đa nhiệm trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, đô thị. Nâng cấp, hoàn thiện các Trung tâm chuyên ngành như giao thông, an ninh, phòng cháy chữa cháy, môi trường, điện chiếu sáng, điện lực, cấp nước..., kết nối, tích hợp về Trung tâm IOC của tỉnh.

- Xây dựng Quy hoạch mạng lưới hệ thống camera giám sát trên địa bàn tỉnh; bổ sung camera các khu vực trọng điểm; triển khai kết nối, chia sẻ, quản lý đồng bộ dữ liệu camera trên địa bàn.

2.1.4. Phát triển dữ liệu số

- Hoàn thiện CSDL đất đai, xây dựng bản đồ quy hoạch sử dụng đất, bản đồ quỹ đất, chia sẻ dữ liệu và bản đồ nền về Trung tâm tích hợp dữ liệu. Nâng

cấp, mở rộng bản đồ nền GIS để áp dụng cho các dữ liệu không gian của các chuyên ngành.

- Phát triển CSDL hạ tầng đô thị, hợp nhất các dữ liệu đất đai, quy hoạch, xây dựng, giao thông, cấp thoát nước, cây xanh, phòng cháy chữa cháy, viễn thông, lưới điện... trên nền tảng công nghệ GIS.

- Chuẩn hóa, hoàn thiện CSDL công dân, doanh nghiệp của tỉnh, kết nối, đồng bộ dữ liệu từ CSDL quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu.

- Kết nối, tiếp nhận và chia sẻ dữ liệu với các CSDL quốc gia thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

- Xây dựng CSDL dùng chung nhằm thu thập, tổng hợp, lưu trữ nhiều nguồn dữ liệu khác nhau, qua đó phân tích, khai phá, hỗ trợ ra quyết định, chia sẻ dữ liệu trong các cơ quan nhà nước, tiến tới dữ liệu mở phục vụ cho toàn xã hội thông quan cổng dữ liệu mở của tỉnh.

- Chú trọng phát triển và chuẩn hoá các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan quản lý nhà nước đưa vào kho dữ liệu dùng chung của tỉnh. Trong đó, ưu tiên phát triển các cơ sở dữ liệu về bệnh án điện tử; hệ thống cơ sở y tế, bệnh viện, nhà thuốc; thiết chế văn hoá, địa điểm tham quan du lịch; đối tượng chính sách; hộ kinh doanh cá thể; hạ tầng đô thị, quy hoạch đô thị...

- Tập trung số hoá 100% kết quả giải quyết các thủ tục hành chính còn hiệu lực.

- Tiếp tục cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai để hoàn thành việc số hoá toàn bộ hồ sơ quản lý đất đai trên địa bàn Tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện số hoá tài liệu lưu trữ lịch sử của Tỉnh.

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn theo các cấp quản lý (tỉnh, huyện, xã).

2.1.5. Phát triển nền tảng số

- Nâng cấp trực tích hợp, liên thông dữ liệu (LGSP) của tỉnh Đồng Tháp phù hợp với việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) và các trục LGSP của các bộ, ngành, địa phương khác trên toàn quốc.

- Phát triển nền tảng thông tin định danh cá nhân và kho dữ liệu số của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, kết nối với Cổng Dịch vụ công trực

tuyến tính, các hệ thống thông tin của các đơn vị như điện lực, cấp nước, môi trường đô thị, công chứng,... tạo thuận lợi cho giao dịch điện tử giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan nhà nước và các giao dịch điện tử dân sự khác.

- Hoàn thiện nền tảng thanh toán trực tuyến, mở rộng đa dạng các đối tác, hình thức thanh toán và triển khai nhân rộng cho các dịch vụ sự nghiệp công (học phí, viện phí, phí rác thải,...) và các giao dịch dân sự (thương mại điện tử, đấu giá tài sản,...).

- Xây dựng nền tảng IoT (IoT Platform) nhằm kết nối, tích hợp, kiểm soát, quản lý các thiết bị IoT, hỗ trợ phân tích dữ liệu, cung cấp thông tin, cảnh báo, hỗ trợ ra quyết định.

- Xây dựng nền tảng phân tích dữ liệu thông minh (AI Platform), sử dụng các công nghệ như học máy, khai phá dữ liệu,.. phục vụ công tác dự báo các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, hỗ trợ việc ra quyết định, xây dựng chính sách.

- Nâng cấp, hoàn thiện App e – DongThap như một nền tảng di động cung cấp đa dịch vụ, tiện ích.

- Xây dựng nền tảng trong lĩnh vực giáo dục như: Nền tảng dạy – học trực tuyến

- Phát triển nền tảng xử lý và thu thập dữ liệu phục vụ quá trình chuyển đổi số của các địa phương, đơn vị trên địa bàn Tỉnh.

- Phát triển hệ sinh thái nền tảng chuyển đổi số nông nghiệp (nền tảng quản lý nông nghiệp số và nền tảng phát triển kinh tế nông nghiệp số), đảm bảo tích hợp với hệ thống dữ liệu của tỉnh và bộ, ngành trung ương.

2.1.6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Tập trung đào tạo, phát huy vai trò của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh Đồng Tháp kết hợp với sự hỗ trợ của các cơ quan Trung ương để kịp thời ứng phó với các tình huống mất an toàn thông tin trên địa bàn Tỉnh. Hằng năm, tổ chức đào tạo hoặc cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin; tổ chức các chương trình diễn tập, tập huấn bảo đảm an toàn thông tin mạng với các phương án, kịch bản phù hợp thực tế cho cán bộ chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh để phát huy vai trò của lực lượng tại chỗ trong việc phòng ngừa, ứng phó với các sự cố thông thường tại đơn vị.

- Xây dựng, ban hành các Kế hoạch, quy chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan, tổ chức; thường xuyên rà soát, cập nhật cho phù hợp với hướng dẫn của các cơ quan Trung ương.

- Phân công Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Đồng Tháp giám sát tình hình an toàn thông tin của các đơn vị qua hệ thống giám sát mã độc tập trung, hệ thống giám sát tường lửa tập trung. Đồng thời thuê tổ chức giám sát chuyên nghiệp để giám sát Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh. Tích hợp chức năng giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) vào Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh của tỉnh, đồng thời kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia.

- Định kỳ hàng năm thuê tổ chức chuyên nghiệp, độc lập với đơn vị giám sát đánh giá an toàn thông tin tại Trung tâm tích hợp dữ liệu bao gồm các hệ thống thông tin quan trọng như: hệ thống thư điện tử công vụ, hệ thống Cổng thông tin điện tử, hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công, hệ thống thông tin cán bộ công chức, hệ thống LGSP,... và hệ thống mạng LAN của ít nhất 1/3 sở, ngành, UBND cấp huyện thuộc tỉnh Đồng Tháp kết hợp với kiểm tra đột xuất những hệ thống thông tin được cảnh báo nguy cơ từ các cơ quan cấp trên hoặc qua hệ thống giám sát của tỉnh.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Rà soát hiện trạng, tăng cường đầu tư trang thiết bị và thuê dịch vụ chuyên nghiệp nhằm nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc theo mô hình tập trung, ưu tiên cho các hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp và Trung tâm Tích hợp dữ liệu.

- Xây dựng hệ thống thu thập, tổng hợp thông tin điện tử nhằm cảnh báo sớm để cơ quan có thẩm quyền kịp thời có biện pháp ngăn chặn khủng hoảng truyền thông và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thông tin điện tử và hoạt động báo chí.

- Xây dựng DR site cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu để dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan, tổ chức; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức nhà nước và người dân trên địa bàn.

- Duy trì hoạt động thường xuyên của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; tham gia tích cực vào các hoạt động của Mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia; tăng cường chia sẻ, cung cấp thông tin về sự cố an toàn mạng.

- Bảo đảm tỷ lệ kinh phí chi cho các sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng đạt tối thiểu 10% trong tổng kinh phí triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm, giai đoạn 5 năm.

2.1.7. Hợp tác, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số

- Chủ động, tích cực tham gia các tổ chức, diễn đàn về chuyển đổi số, đô thị thông minh, tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm, huy động nguồn lực, nghiên cứu, phát triển, chuyển giao các công nghệ mới, mô hình mới.

- Triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có kết quả, sản phẩm phù hợp với định hướng xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh; ưu tiên các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho chuyển đổi số, chú trọng các nhiệm vụ có kinh phí đối ứng của doanh nghiệp.

- Lựa chọn ưu tiên ứng dụng một số công nghệ cốt lõi có thể đi tắt đón đầu cũng như có khả năng bứt phá mạnh mẽ như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain) và thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR). Ưu đãi, hỗ trợ mạnh các doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển và khuyến khích các doanh nghiệp lớn, truyền thống đi đầu trong việc ứng dụng các công nghệ này vào hoạt động sản xuất, thương mại.

- Huy động nguồn lực của các doanh nghiệp trong triển khai chuyển đổi số qua hình thức doanh nghiệp cung cấp dịch vụ (có thu phí hoặc không thu phí) cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân (như sàn giao dịch điện tử, ví điện tử,...), nhà nước thuê dịch vụ công nghệ thông tin, hợp tác công tư,...

- Hợp tác với Hiệp hội, doanh nghiệp, Viện, Trường; các địa phương và tổ chức quốc tế trong hợp tác, tài trợ, nghiên cứu, phát triển các sản phẩm công nghệ số.

2.1.8. Phát triển nhân lực cho chuyển đổi số

- Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, công nghệ số cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh

nghiệp. Đặc biệt chú trọng đào tạo nhóm chuyên gia hỗ trợ chuyển đổi số Tỉnh; kết nối mạng lưới chuyên gia tư vấn chuyển đổi số.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, cập nhật kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, công nghệ số, công nghệ 4.0 cho lãnh đạo và CBCCVC, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh.

- Thu hút chuyên gia, nhân lực CNTT tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ đến tỉnh đầu tư, làm việc.

- Hình thành tổ chức giám sát và vận hành Trung tâm IOC; các tổ/đội triển khai chính quyền số tại các cơ quan, địa phương.

- Đưa các môn học giáo dục về kỹ năng số, công nghệ số và giáo dục STEM/STEAM/STEAME vào cơ sở giáo dục các cấp từ tiểu học đến trung học phổ thông.

- Chủ động đào tạo nguồn nhân lực CNTT tại chỗ thông qua việc nâng cao chất lượng đào tạo các ngành công nghệ thông tin, toán - tin học, điện tử, viễn thông trong các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng chính sách hạn chế việc chảy máu chất xám và thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao làm về làm việc tại Đồng Tháp. Đặc biệt chú trọng chính sách, ưu đãi, tạo điều kiện làm việc cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin tại các cơ quan nhà nước.

- Áp dụng các giải pháp công nghệ để đào tạo nâng cao, đào tạo lại hiệu quả. Ví dụ triển khai các giải pháp xây dựng các nền tảng học trực tuyến phục vụ việc đào tạo lại.

- Huy động sự tham gia của Đoàn Thanh niên là những người tích cực...

2.2. Phát triển Chính quyền số

- Phát triển các ứng dụng, dịch vụ CNTT phục vụ hoạt động nội bộ các cơ quan nhà nước, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, kết nối với các nền tảng dùng chung quốc gia để tránh trùng lặp, lãng phí.

- Nâng cấp Cổng thông tin điện tử Tỉnh và trang thông tin điện tử các địa phương, đơn vị trên cơ sở tích hợp với Hệ thống một cửa điện tử, kết nối với Hệ thống giám sát quốc gia về Chính phủ số; ứng dụng công nghệ số để cá nhân hóa giao diện, nâng cao trải nghiệm người dùng dịch vụ công, tiếp thu ý kiến người dân và doanh nghiệp khi xây dựng, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.

- Duy trì Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, bảo đảm kết nối, liên thông trao đổi văn bản điện tử với bộ, ngành và các cấp chính quyền địa phương.

- Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo và triển khai đến tất cả các ngành, địa phương trên địa bàn Tỉnh, từng bước tự động hóa công tác báo cáo, thống kê phục vụ sự chỉ đạo, điều hành nhanh chóng, kịp thời và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- Phát triển các hệ thống làm việc từ xa theo hướng thuê dịch vụ nhằm đa dạng hóa các hình thức làm việc phù hợp với từng đối tượng, hoàn cảnh khác nhau.

- Phát triển các ứng dụng, dịch vụ nghiệp vụ, chuyên ngành không chỉ phục vụ cho nội bộ tỉnh mà còn có thể kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin trong và ngoài tỉnh theo nhu cầu.

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số mới như: Cloud, Big Data, Di động, IoT AI, Blockchain, Mạng xã hội và các công nghệ số mới trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính quyền số để tiết kiệm thời gian, chi phí xây dựng, vận hành các hệ thống thông tin và tự động hoá, thông minh hoá, tối ưu hoá các quy trình xử lý công việc.

- Phát triển ứng dụng, dịch vụ CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp, gồm:

- + Mở rộng các dịch vụ công trực tuyến dựa trên nhu cầu người dân; tận dụng sức mạnh của công nghệ để phát triển các dịch vụ số mới, đồng thời tinh giản một số dịch vụ không cần thiết. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ như trợ lý ảo, trả lời tự động. Triển khai các nội dung khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến để giảm chi phí và thời gian khi thực hiện thủ tục hành chính.

- + Tiếp tục duy trì có hiệu quả Tổng đài 1022 và xây dựng thêm các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

- + Tăng cường cung cấp các dịch vụ tiện ích trên nền tảng ứng dụng di động qua ứng dụng e – DongThap.

2.3. Phát triển Kinh tế số

- Đẩy nhanh việc chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa (gọi tắt là doanh nghiệp SMEs) thông qua việc sử dụng các nền tảng số xuất sắc nhằm

giúp các doanh nghiệp SMEs tối ưu hóa hoạt động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực và lợi thế cạnh tranh, tạo ra các giá trị mới cho doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế số quốc gia và trong từng ngành, lĩnh vực, địa bàn.

- Cung cấp dữ liệu, thông tin chia sẻ, dữ liệu mở, hệ sinh thái nội dung số cho xã hội, nền kinh tế, các doanh nghiệp công nghệ nhằm tạo ra dòng chảy dữ liệu, động lực phát triển dữ liệu, tăng giá trị dữ liệu, là cơ sở để đổi mới sáng tạo, phát triển các dịch vụ nội dung số, phát triển nền kinh tế số, truyền thông - quảng cáo số; dịch vụ sáng tạo thông minh; thương mại điện tử...

- Tạo điều kiện, thúc đẩy các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư, tài trợ, tăng cường nghiên cứu các công nghệ số, phát triển các nền tảng số, hoạt động dữ liệu số, tạo ra các dịch vụ nội dung số phục vụ xã hội, phát triển nền kinh tế số.

- Tạo điều kiện phát triển cho kinh tế chia sẻ, kinh tế trả công

- Phát triển thương mại điện tử

- + Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia các sàn giao dịch điện tử (Ví dụ như: Shopee, Tiki, Sendo, Amazon, Lazada, Postmart, Voso...)

- + Hiện đại hoá mạng lưới và dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát theo hướng bưu chính sẽ phát triển thành hạ tầng cho thương mại điện tử. Triển khai hệ thống định danh địa chỉ (postcode) đến từng hộ gia đình.

- Thúc đẩy doanh nghiệp và công nghiệp số:

- + Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp số (cung cấp các chương trình nâng cao nhận thức, khuyến khích đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu số, như đổi mới quản trị, CRM, ERP, e-Invoice).

- + Tăng cường hiện diện số và khuyến khích sử dụng các nền tảng TMĐT (hỗ trợ đào tạo, kinh phí cho các doanh nghiệp phát triển một nền tảng TMĐT).

- Phát triển thị trường lao động trong thời đại số:

- + Đáp ứng kỹ năng số trong hệ thống giáo dục, các học giả, lực lượng lao động phù hợp thị trường lao động mới (phổ cập, đào tạo kỹ năng số cho các đối tượng trong hệ thống giáo dục phù hợp nhu cầu thị trường,...).

- + Tăng cường đào tạo nghề trực tuyến (đào tạo cho người xin việc hoặc công nhân trong doanh nghiệp; phát triển một nền tảng số mở cho đào tạo nhiều môn học).

+ Mở rộng các hình thức làm việc trong thời đại số bằng việc loại bỏ các rào cản khoảng cách (nghiên cứu, đánh giá mô hình làm việc từ xa trong khu vực tư và công, cung cấp tools và khuyến khích các tổ chức thực hiện hình thức này trong văn hóa làm việc).

+ Bảo đảm lực lượng làm việc chuyên nghiệp trong các lĩnh vực ICT, số (có chính sách, kế hoạch, hỗ trợ để đào tạo nhân lực số đáp ứng thị trường như các lập trình viên, kỹ sư, chuyên gia tích hợp hệ thống trong lĩnh vực ICT, hay người thiết kế giao diện/trải nghiệm user, viết đặc tả, phân tích dữ liệu, chuyên gia mạng xã hội,...; tăng cường đào tạo cơ bản về STEM).

- Triển khai Đề án thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ ban hành tại Quyết định số 999/QĐ-TTg ngày 12/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh; tạo môi trường kinh doanh bình đẳng giữa kinh tế chia sẻ và kinh tế truyền thống.

- Xây dựng, ban hành và triển khai Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh, từng bước tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp. Ban hành tiêu chí đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số của doanh nghiệp.

- Lựa chọn một số doanh nghiệp sản xuất công nghiệp để triển khai thí điểm mô hình nhà máy thông minh, các hệ thống thông minh như hệ thống quản lý sản xuất tích hợp tập trung (Manufacturing Execution System), hệ thống hoạch định tài nguyên doanh nghiệp (Enterprise Resource Planning), hệ thống quản lý kho thông minh, hệ thống lập kế hoạch và quản lý sản xuất (Production Planning and Management - PPM), hệ thống kết nối vạn vật công nghiệp (Industrial IoT)...

2.4. Phát triển Xã hội số

- Tuyên truyền phổ biến về chuyển đổi số, khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng các ứng dụng của chuyển đổi số trên các kênh truyền thông. Xây dựng chương trình đào tạo, phổ cập kỹ năng số và an toàn thông tin cho người dân.

- Hình thành đội ngũ chuyên gia về chuyển đổi số lực lượng nòng cốt để dẫn dắt, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, tích cực tham gia các lớp huấn luyện về chuyển đổi số do Trung ương tổ chức để đào tạo lại cho cán bộ liên quan ở các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, Giám đốc điều hành các doanh nghiệp.

- Tổ chức đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số cho người lao động tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp của tỉnh.

- Các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh tăng cường tuyển sinh đào tạo cử nhân, kỹ sư nhóm ngành công nghệ thông tin (công nghệ thông tin, khoa học máy tính, toán - tin học, điện tử, viễn thông,...) để tạo nguồn nhân lực tại chỗ cho chuyển đổi số.

- Áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học (giáo dục STEM), đào tạo tiếng Anh và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn thông tin tại các cấp học. Thực hiện đào tạo, tập huấn hướng nghiệp để học sinh có các kỹ năng sẵn sàng cho môi trường số.

- Xây dựng chương trình đào tạo, phổ cập kỹ năng số cho người dân.

- Phổ cập kỹ năng số an toàn (phát triển các kỹ năng để phòng ngừa tội phạm qua môi trường mạng).

- Triển khai chương trình phổ cập điện thoại thông minh, thiết bị số đến toàn dân; DN viễn thông có các gói cước ưu đãi đối với người dùng tại vùng sâu, vùng xa để khuyến khích việc tận dụng công nghệ số.

- Phổ biến các khóa học đại trà trực tuyến mở (MOOCS) cho tất cả người dân nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục nhờ công nghệ số, đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số.

- Phát triển hệ sinh thái các ứng dụng công nghệ số cung cấp các dịch vụ số thiết yếu, thông minh cho người dân.

- Xây dựng và ban hành bộ quy tắc ứng xử trên môi trường số cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức. Từng bước hình thành và phát triển văn hóa số.

2.5. Phát triển trong các lĩnh vực ưu tiên

2.5.1. Lĩnh vực Y tế.

- Xây dựng và từng bước hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên các công nghệ số; ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh góp phần cải cách hành chính, giảm tải bệnh viện, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Xây dựng hệ thống thông tin điều hành y

tế thông minh ngành Y tế, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí điện tử không dùng tiền mặt, hình thành các bệnh viện thông minh; xây dựng nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu, hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế.

- Phát triển nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa để hỗ trợ người dân được khám, chữa bệnh từ xa, kết nối trực tuyến giữa người bệnh, các thiết bị theo dõi sức khỏe và cán bộ y tế; giúp giảm tải các cơ sở y tế, hạn chế tiếp xúc đông người, giảm nguy cơ lây nhiễm chéo; 100% các cơ sở y tế có bộ phận khám chữa bệnh từ xa; thúc đẩy chuyển đổi số ngành y tế.

- Ứng dụng công nghệ thông minh trong các công tác khám chữa bệnh, như hỗ trợ chẩn đoán và ra quyết định điều trị lâm sàng, hỗ trợ chẩn đoán hình ảnh, hỗ trợ phẫu thuật và các công tác khác.

- Thử nghiệm triển khai sáng kiến “Mỗi người dân có một bác sĩ riêng” với mục tiêu mỗi người dân có một hồ sơ số về sức khỏe cá nhân, trên cơ sở đó được bác sĩ tư vấn, chăm sóc cho từng người dân như là bác sĩ riêng, hình thành hệ thống chăm sóc y tế số hoàn chỉnh từ khâu chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng đến điều trị.

- Hoàn thiện hành lang pháp lý để tạo điều kiện cho khám chữa bệnh từ xa và đơn thuốc điện tử cho người dân, nhằm bảo đảm người dân có thể tiếp xúc bác sĩ nhanh, hiệu quả, giảm chi phí và thời gian vận chuyển bệnh nhân.

Nhiệm vụ, mô hình trọng tâm:

- Xây dựng Hệ thống thông tin điều hành y tế thông minh ngành Y tế.
- Triển khai bệnh án điện tử cho các bệnh viện Đa khoa khu vực (đạt 100% đến năm 2025), bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh và 12 Trung tâm Y tế tuyến huyện (đạt 60% đến năm 2025).
- Triển khai xây dựng mô hình bệnh viện thông minh.
- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý chăm sóc sức khỏe cộng đồng.
- Mở rộng nâng cấp hệ thống lưu trữ và chẩn đoán hình ảnh.
- Đào tạo huấn luyện về y tế thông minh và xây dựng hệ thống hỗ trợ ra quyết định y học lâm sàng.

- Triển khai tất cả các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh tiếp nhận khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế trên ứng dụng bảo hiểm xã hội số - VssID thay cho thẻ bảo hiểm y tế giấy.

2.5.2. Lĩnh vực Giáo dục.

- Đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá trên cơ sở áp dụng công nghệ số, khuyến khích và hỗ trợ áp dụng các mô hình giáo dục đào tạo mới dựa trên các nền tảng số.

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành (cơ sở dữ liệu), tích hợp, kết nối liên thông dữ liệu dùng chung với Bộ Giáo dục và Đào tạo, xây dựng Trung tâm điều hành thông minh (IOC) kết nối cơ sở dữ liệu dùng chung, trên cơ sở dữ liệu giáo dục (trường, lớp, kết quả học tập, rèn luyện của học sinh phổ thông, mầm non...), triển khai học bạ điện tử học sinh phổ thông; xây dựng: biểu đồ hóa, phân tích và dự báo xu hướng phát triển giáo dục, hỗ trợ việc ra quyết định trong công tác lãnh đạo, điều hành.

- Số hóa các nghiệp vụ quản lý và điều hành giáo dục: tuyển sinh đầu cấp, quản lý và sử dụng hiệu quả thiết bị dạy học, kiểm định chất lượng giáo dục, xác minh văn bằng số, thư viện số, học phí và lệ phí điện tử...

- Phát huy hiệu quả hệ thống Hội nghị trực tuyến ngành 100% trường THPT (43 điểm cầu trường THPT) và phòng GD&ĐT phục vụ: Họp, hội nghị, hội thảo, tập huấn chuyên môn, bồi dưỡng giáo viên... mở rộng đến cụm trường trung học cơ sở, tiểu học và mầm non (80 điểm cầu họp trực tuyến).

- Số hóa trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá trực tuyến, xây dựng kho học liệu số (sách giáo khoa điện tử, bài giảng điện tử, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm...), thí nghiệm mô phỏng, triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến... kết hợp hiệu quả việc giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp trực tuyến và trực tuyến; tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên, học sinh, người dân tự học, tự nghiên cứu, tự tiếp cận khoa học, tự học suốt đời.

- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nguồn lực công nghệ thông tin (CNTT), nâng cao kỹ năng sử dụng CNTT cho cán bộ quản lý, chuyên viên, giáo viên bộ môn; nâng cao trình độ CNTT cho đội ngũ giáo viên bộ môn, giáo viên Tin học ở các trường phổ thông đáp ứng và đảm bảo thực hiện tốt Chương trình giáo dục phổ thông 2018, chuyển đổi số, giáo viên và học sinh tiếp cận, nghiên cứu Công nghệ 4.0 (AI, IoT, Big Data...); đào tạo nguồn lực chuyên sâu (thạc sĩ CNTT đạt chuẩn quốc tế) phục vụ chuyển đổi số (*tỉ lệ đạt 50% của tổng số được người đào tạo CNTT chuyên sâu*).

- Hoàn thiện và phát triển hệ thống Cổng thông tin điện tử (Portal) các cơ sở giáo dục, trường học; tăng cường chiến lược giáo dục con người toàn diện kết hợp 3 môi trường giáo dục: gia đình, nhà trường và xã hội.

- Xây dựng hệ thống thông tin giáo dục hỗ trợ công dân (trường, lớp, năng lực đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, truyền thống, thành tích, tài liệu giảng dạy, hoạt động chuyên đề, mặt mạnh trường...)

*Mô hình, nhiệm vụ trọng tâm:

- Đến năm 2023: xây dựng và hoàn thiện Hệ thống thông tin ngành giáo dục kết nối liên thông dữ liệu dùng chung của Bộ GDĐT.

- Đến năm 2025: Tối thiểu 15 trường trung học cơ sở, tiểu học tại các khu vực xã biên giới (huyện Tân Hồng, huyện Hồng Ngự, TP Hồng Ngự), vùng sâu ứng dụng các giải pháp số.

- 50% trường trung học phổ thông (THPT), trung học cơ sở (THCS) áp dụng các hình thức đào tạo trực tuyến; 40% trường THPT, THCS có triển khai đào tạo áp dụng mô hình STEM, STEAM (hoặc STEAME) với 30% học sinh phổ thông tham gia.

- 50% trường THPT, THCS có triển khai các khoá đào tạo kiến thức số, kỹ năng số với 30% học sinh phổ thông tham gia.

2.5.3. Lĩnh vực Nông nghiệp và xây dựng nông thôn

- Ứng dụng công nghệ số (dữ liệu lớn, IoT, viễn thám) để số hóa dữ liệu và tự động hóa quy trình sản xuất nâng cao năng lực trong quản lý điều hành hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Xây dựng hệ thống thông tin ngành nông nghiệp nhằm quản lý và giám sát vùng sản xuất nông, lâm, thủy sản quản lý thủy lợi, cảnh báo tình hình lũ, hệ thống cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc và chuỗi cung ứng sản phẩm, đảm bảo nhanh chóng, minh bạch, chính xác tiến đến chuyển đổi số toàn diện trong nông nghiệp Đồng Tháp.

- Ứng dụng công nghệ số trong sản xuất như: IoT, tự động hóa vào quy trình sản xuất giúp nhận diện và giám sát tự động môi trường, thủy văn, dịch hại, tự động nhận biết và đề xuất nhu cầu dưỡng chất cần thiết cho quá trình sinh trưởng và phát triển của cây trồng, vật nuôi; Ứng dụng các công nghệ trên nền tảng di động, chuỗi khối (blockchain) vào truy xuất nguồn gốc nông sản. Áp dụng trí tuệ nhân tạo (chat bot, trợ lý ảo nông nghiệp) giúp tư vấn các thông tin nhanh cho người nông dân. Hình thành mạng lưới quan sát, giám sát tích hợp trên không và mặt đất phục vụ các hoạt động nông nghiệp.

- Tăng cường ứng dụng các nền tảng số trong hoạt động thương mại, kết nối cung cầu, quảng bá sản phẩm nông nghiệp góp phần tạo ra giá trị mới cho

nông sản; tạo cầu nối cho người dân, doanh nghiệp, Hợp tác xã, Hội quán, Tổ hợp tác tìm hiểu và trao đổi thông tin liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, giảm các bước trung gian.

- Xây dựng thí điểm và nhân rộng mô hình làng thông minh tiến tới chuyển đổi số cấp xã

- * Nhiệm vụ, mô hình trọng tâm lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn:

- Phát triển hệ sinh thái nền tảng chuyển đổi số nông nghiệp áp dụng đồng bộ từ cấp tỉnh, huyện, xã.

- Đến 2025: hoàn thành cơ sở dữ liệu về sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn theo các cấp quản lý (tỉnh, huyện, xã). Xây dựng 07 làng thông minh, 07 hội quán ứng dụng IoT vào sản xuất; có 15% đến 20% hội quán, HTX có ứng dụng công nghệ để truy xuất nguồn gốc, có hoạt động thương mại điện tử;

- Năm 2030 có 14 làng thông minh, 14 hội quán ứng dụng IoT vào sản xuất; trên 50% hội quán, HTX có ứng dụng công nghệ để truy xuất nguồn gốc, có hoạt động thương mại điện tử.

- Nông dân số: Đến 2025 có 30% nông dân được tập huấn, đào tạo ứng dụng công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp và cách thức quảng bá trực tuyến, thương mại điện tử.

- Đến năm 2025, hoàn thành và nhân rộng 07 mô hình ứng dụng công nghệ số (giám sát chất lượng môi trường nước, hệ thống tưới tiêu tự động, giám sát dịch hại thông minh, tự động giám sát và khuyến cáo chế độ dinh dưỡng phù hợp từng giai đoạn sinh trưởng của cây trồng, vật nuôi, định danh và theo dõi vật nuôi, truy xuất nguồn gốc...) vào quy trình sản xuất nông nghiệp.

2.5.4. Lĩnh vực Công Thương

- Thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước lĩnh vực công thương, tập trung phát triển kho dữ liệu chuyên ngành; chuyển đổi từ các phương pháp quản lý thông tin thủ công sang quản lý bằng phần mềm thông suốt từ tỉnh đến cấp xã; cung cấp các thông tin chính xác, kịp thời, hỗ trợ việc ra quyết định trong công tác quản lý được chính xác, kịp thời.

- Thúc đẩy tạo lập kho dữ liệu tại doanh nghiệp, ứng dụng công nghệ thông tin vào sản xuất nhằm áp dụng các giải pháp quản trị số, số hóa việc điều hành sản xuất và bán hàng; sử dụng thông tin để lập các mô hình hoạt động sản

xuất nhằm tối ưu hóa toàn bộ quy trình, hệ thống sản xuất cho đến xây dựng các chiến lược kinh doanh; khuyến khích doanh nghiệp chuyển đổi sang tự động hoá, sản xuất thông minh.

- Tham gia, phối hợp xây dựng và triển khai các chính sách ưu đãi, hỗ trợ về đổi mới công nghệ nhằm khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp tăng cường hoạt động đầu tư, ứng dụng, đổi mới, chuyển giao công nghệ của công nghiệp 4.0 vào trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Triển khai có hiệu quả Kế hoạch phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2021 – 2025:

- + Khuyến khích, hỗ trợ chuyển đổi số trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ, ứng dụng công nghệ số nhằm cải tiến mô hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- + Thúc đẩy phát triển thương mại điện tử trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hội quán, tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh.

- + Xây dựng và phát triển thị trường thương mại điện tử lành mạnh có tính cạnh tranh và phát triển bền vững, tháo gỡ giới hạn về địa lý trong kết nối thương mại.

Nhiệm vụ, mô hình trọng tâm:

- Đến năm 2025, xây dựng Hệ thống thông tin ngành Công thương.

- Đến năm 2025, 55% dân số tham gia mua sắm trực tuyến; 50% doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động kinh doanh; doanh số thương mại điện tử B2C (tính cho cả hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trực tuyến) tăng 20%/năm.

- Đến năm 2030, 80% doanh nghiệp ứng dụng TMĐT trong hoạt động kinh doanh, khoảng 20% doanh nghiệp lớn trên địa bàn Tỉnh ứng dụng công nghệ số, vận hành thông minh trong sản xuất.

- Hàng năm, xây dựng và triển khai kế hoạch tập huấn cho doanh nghiệp và các đơn vị có liên quan về cách mạng công nghiệp 4.0, thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp để phát triển nhanh hơn, nâng cao giá trị sản phẩm, dịch vụ.

2.5.5. Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường.

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường được xây dựng, cập nhật trên nền tảng dữ liệu lớn (Big data) có sự đóng góp của tổ chức, cá

nhân, cộng đồng; trong đó cơ bản hoàn thành cơ sở dữ liệu đất đai, cơ sở dữ liệu nền địa lý; cơ sở dữ liệu môi trường; bảo đảm cung cấp, chia sẻ dữ liệu cho thực hiện dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp, làm nền tảng phát triển Chính phủ số, phát triển kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh.

- Xây dựng, phát triển nền tảng dữ liệu mở; triển khai hạ tầng phục vụ kết nối mạng lưới thiết bị IoT, bao gồm các thiết bị trong điều tra, khảo sát, quan trắc, đo đạc sử dụng công nghệ số để thiết lập nền tảng số thu nhận dữ liệu, thông tin tài nguyên và môi trường

- Cung cấp dữ liệu, thông tin chia sẻ, dữ liệu mở, hệ sinh thái nội dung số về tài nguyên và môi trường cho xã hội, nền kinh tế, các doanh nghiệp công nghệ nhằm tạo ra dòng chảy dữ liệu, động lực phát triển dữ liệu, tăng giá trị dữ liệu, là cơ sở để đổi mới sáng tạo, phát triển các dịch vụ nội dung số, phát triển nền kinh tế số....

- Ứng dụng phân tích, xử lý dữ liệu lớn bằng công nghệ trí tuệ nhân tạo, theo thời gian thực nhằm hỗ trợ cho hỗ trợ ra quyết định chính xác, kịp thời cho công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ, giám sát, dự báo, cảnh báo về tài nguyên và môi trường.

- Hoàn thiện cơ chế xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu, thông tin về tài nguyên và môi trường. Huy động các tổ chức, cá nhân và cộng đồng hoạt động xây dựng, cung cấp dữ liệu số, cung cấp dịch vụ số... về tài nguyên và môi trường. Cung cấp đầy đủ dịch vụ dữ liệu, thông tin về tài nguyên và môi trường cho phát triển kinh tế số, dịch vụ nội dung số.

- Thực hiện tích hợp, kết nối dữ liệu tài nguyên và môi trường với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, tỉnh nhằm chia sẻ dữ liệu, thông tin cho khai thác, sử dụng, trọng tâm hướng đến cung cấp các nền tảng số: (i) Nền tảng dữ liệu thông tin đất đai; (ii) Nền tảng dữ liệu thông tin bản đồ, không gian địa lý, viễn thám; (iii) Nền tảng dữ liệu môi trường; (iv) Nền tảng dữ liệu địa chất; (v) Nền tảng thông tin thời tiết, khí hậu và biến đổi khí hậu; (vi) Nền tảng dữ liệu thông tin tài nguyên nước.

- Xây dựng hệ thống thông tin ngành tài nguyên môi trường.

- Xây dựng bản đồ hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh, bản đồ dự đoán khu vực ngập nước trong khu vực đô thị và nông thôn khi xảy ra mưa bão, lũ lụt.

- Số hóa thông tin các cơ sở xả thải, nguồn xả thải và các đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh; chia sẻ dữ liệu, thông tin dùng chung, phục vụ giám sát.

- Số hóa quy trình thu gom rác, xây dựng hệ thống quản lý giám sát thu gom rác thải theo thời gian thực và công khai cho người dân. Triển khai các dịch vụ thu gom rác quá khổ, rác độc hại, rác tái chế... thông qua môi trường mạng.

- Xây dựng Cổng Thông tin đất đai tỉnh để công khai minh bạch dữ liệu đất đai, quỹ đất trống, quỹ đất kêu gọi đầu tư.

* Nhiệm vụ trọng tâm: Đến năm 2025, hoàn thiện CSDL đất đai, mở rộng bản đồ nền GIS để áp dụng cho các dữ liệu không gian của các chuyên ngành.

- Đến hết năm 2023 hoàn thành CSDL đất đai của 5 huyện, thành phố: thành phố Cao Lãnh, Sa Đéc, Lai Vung, Lấp Vò, huyện Cao Lãnh và từng bước chia sẻ, công khai dữ liệu mức độ phù hợp.

- Đến hết năm 2030, hoàn thành toàn bộ CSDL đất đai của toàn tỉnh.

- Bắt đầu từ năm 2022, từng bước công khai dữ liệu quan trắc môi trường, năm 2023 hoàn thành HTTT quan trắc môi trường thông minh

2.5.6. Lĩnh vực Giao thông Vận tải

- Xây dựng hệ thống thông tin ngành giao thông vận tải, trong đó, tập trung số hóa hạ tầng giao thông (hạ tầng nổi và hạ tầng ngầm) trên bản đồ số, chia sẻ cho các cơ quan, đơn vị có liên quan khai thác phục vụ công tác quy hoạch, xây dựng, duy tu bảo dưỡng công trình giao thông thông qua trực tích hợp dữ liệu (LGSP), và chia sẻ các thông tin phù hợp cho người dân và doanh nghiệp thông qua cổng dữ liệu mở của tỉnh.

- Áp dụng công nghệ số xây dựng hệ thống quản lý, phân tích logistics, quản lý đăng ký thông tin vận tải trên môi trường số.

- Triển khai hệ thống giám sát lưu lượng giao thông theo thời gian thực, phát hiện kẹt xe, ùn ứ. Áp dụng công nghệ số xây dựng các hệ thống điều khiển giao thông, công trình giao thông thông minh như: như hệ thống nhận diện và điều phối đèn giao thông; hệ thống điều khiển đèn giao thông thông minh.

- Cung cấp các ứng dụng tiện ích phục vụ cho người dân, doanh nghiệp trong sử dụng giao thông công cộng, chỗ đỗ xe trong đô thị, thông báo tuyến đường, công trình giao thông đang thi công, sửa chữa...

* Nhiệm vụ trọng tâm:

Đến năm 2023, đưa vào sử dụng Cổng thông tin giao thông trực tuyến và ứng dụng di động cho hệ thống giao thông công cộng, cho phép người dân tra cứu thông tin các tuyến xe buýt và đặt vé qua mạng hoặc nạp tiền vào tài khoản thẻ để thanh toán không dùng tiền mặt.

2.5.7. Lĩnh vực Văn hóa - Du lịch.

- Số hóa dữ liệu ngành du lịch (hướng dẫn viên, doanh nghiệp lữ hành, cơ sở lưu trú, điểm du lịch,...), dữ liệu liên ngành (giao thông, môi trường, an ninh, y tế, doanh nghiệp...), dữ liệu thu thập (hành vi, trải nghiệm của du khách...).

- Xây dựng Cổng Thông tin du lịch, hệ thống Wifi Public, bản đồ số du lịch. Nâng cấp ứng dụng di động theo hướng tất cả dịch vụ du lịch trong một ứng dụng, hỗ trợ khách du lịch trong toàn bộ quá trình trước, trong và sau chuyến đi; tiếp nhận phản hồi và xử lý phản hồi của khách du lịch; đánh giá mức độ hài lòng của khách du lịch; kết nối với Cổng thanh toán trực tuyến tỉnh và các nền tảng thanh toán trực tuyến.

- Phát triển các ứng dụng trên thiết bị di động cung cấp cho khách du lịch tại các khu, điểm du lịch; từ việc tìm kiếm thông tin về tour tuyến, điểm đến, sản phẩm dịch vụ du lịch, thuyết minh du lịch dịch tự động ra các ngôn ngữ phổ biến đến việc thực hiện các thao tác giao dịch như đặt dịch vụ, thanh toán không dùng tiền mặt và tích hợp nhiều tiện ích khác.

- Phát triển đồng bộ hệ sinh thái du lịch thông minh; ứng dụng trí tuệ nhân tạo, ứng dụng thực tế ảo và thực tế tăng cường (AR/VR), các công nghệ tiên tiến khác phục vụ du khách, cộng đồng, doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước về du lịch.

- Triển khai hệ thống quản lý du lịch thông minh, ứng dụng công nghệ nhận dạng, định vị, truy vết nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giám sát du khách tham quan, hỗ trợ công tác tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn. Thành lập trung tâm thông tin điều hành du lịch hỗ trợ du khách 24/7 trong mọi trường hợp cần sự trợ giúp.

- Khuyến khích, đẩy mạnh các dịch vụ thanh toán trực tuyến (qua ví điện tử, thẻ ngân hàng trực tuyến...) tại các điểm đến du lịch.

- Kết nối liên thông giữa các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch từ Trung ương đến địa phương và doanh nghiệp du lịch.

Bên cạnh đó, xây dựng hệ thống thông tin ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch phục vụ cho công tác quản lý, điều hành đồng thời hỗ trợ phát triển du lịch, cụ thể:

- + Số hóa các di tích, di sản văn hóa, làng nghề để phổ cập qua công nghệ số
- + Đẩy mạnh chuyển đổi số trong phát triển thư viện điện tử, bảo tàng số.
- + Nâng cao hình ảnh địa phương thông qua truyền thông, quảng bá về lịch sử, văn hóa và con người Đồng Tháp.

* Nhiệm vụ trọng tâm: Triển khai hệ thống du lịch thông minh và xây dựng hệ thống thông tin ngành văn hoá, thể thao, du lịch là khâu đột phá trong chương trình chuyển đổi số của tỉnh.

3. Kinh phí thực hiện

- Tổng khi phí thực hiện Đề án dự kiến khoảng 2.482,7 tỷ đồng, trong đó:

- + Vốn xã hội hoá: 1.222 tỷ đồng (49,22%);
- + Vốn NS và vốn hợp pháp khác: 1.260,7 tỷ đồng (50,78%)

(Chi tiết được thể hiện ở Phụ lục 3)

- Nguồn kinh phí thực hiện Đề án bao gồm ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để phục vụ các hoạt động hỗ trợ chuyển đổi nhận thức, kiến tạo thể chế, phát triển hạ tầng số, phát triển nền tảng số, tạo lập niềm tin, bảo đảm an toàn an ninh mạng, hợp tác quốc tế, nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số và chuyển đổi kỹ năng trong môi trường số và các nhiệm vụ, dự án thuộc Đề án này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện.

- Đối với các đơn vị có các nguồn kinh phí được để lại theo quy định (đang để ngoài cân đối ngân sách): Việc sử dụng kinh phí để thực hiện Đề án thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật chuyên ngành.

- Các cơ quan, đơn vị chủ động lồng ghép với các đề án, chương trình, dự án của đơn vị mình, cân đối sắp xếp trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện. Trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, tại thời điểm xây dựng dự toán hàng năm, các cơ quan căn cứ tiêu chuẩn, định mức và nội dung chi theo quy định hiện hành, lập dự toán chi

tiết gửi Sở Thông tin và Truyền thông để kiểm tra, rà soát các nhiệm vụ chi nhằm tránh chồng chéo, trùng lặp và tổng hợp gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư (vốn chi đầu tư phát triển) và Sở Tài chính (vốn chi thường xuyên) xem xét, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử và Chuyển đổi số Tỉnh

Chỉ đạo, đôn đốc, điều phối chung việc triển khai Đề án Chuyển đổi số và các hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4.2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Là cơ quan thường trực, chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Đề án Chuyển đổi số, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, địa phương, định kỳ trước ngày 15/12 hàng năm báo cáo UBND tỉnh tình hình triển khai Đề án.

- Phối hợp, tham gia ý kiến đối với các chương trình, dự án của Đề án do các ngành, địa phương chủ trì thực hiện. Chủ động nắm bắt, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ của Đề án và phối hợp với các ngành, địa phương tìm phương án giải quyết, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Làm đầu mối phối hợp với Bộ ngành Trung ương trong triển khai các nền tảng số toàn quốc; kết nối, tích hợp các cơ sở dữ liệu quốc gia để thu nhận, chia sẻ các cơ quan sử dụng, cung cấp công khai và mở cho người dân, doanh nghiệp.

- Làm đầu mối triển khai phối hợp, hợp tác với tập đoàn, công ty, địa phương, các tổ chức trong và ngoài tỉnh để huy động nguồn lực, kinh nghiệm trong triển khai chuyển đổi số.

- Chủ trì tham mưu và tổ chức cung cấp thông tin phục vụ công tác tuyên truyền, định hướng và công khai kết quả triển khai thực hiện Đề án.

4.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

- Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, trên cơ sở đề xuất dự toán kinh phí thực hiện các nội dung thuộc Đề án của các đơn vị, Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với vốn chi đầu tư phát triển) và Sở Tài chính (đối với vốn thường xuyên) tham mưu UBND tỉnh xem xét, bố trí kinh phí để thực hiện theo quy định; bảo đảm kinh phí hàng năm từ 1,5% đến 2% ngân sách nhà nước cho chuyển đổi số, phát triển chính quyền điện tử, đô thị thông minh.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành, UBND huyện, thành phố thúc đẩy, hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn thực hiện chuyển đổi số.

4.4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Ưu tiên phân bổ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho chuyển đổi số, chú trọng các nhiệm vụ có kinh phí đối ứng của doanh nghiệp và các công nghệ ưu tiên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư theo Quyết định số 2117/QĐ-TTg ngày 16/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ

- Tổ chức triển khai các chương trình hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo gắn với chuyển đổi số theo Kế hoạch số 275/KH-UBND ngày 20/11/2020 của UBND Tỉnh về Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025.

- Tham mưu sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính trong nghiên cứu, phát triển khoa học công nghệ gắn với tăng cường thực hiện mục tiêu chuyển đổi số. Kết nối và phối hợp chặt chẽ với các viện, trường, doanh nghiệp có quy mô lớn, chuyên sâu về công nghệ thông tin trên địa bàn trong tổ chức nghiên cứu, ứng dụng các sáng kiến, giải pháp về trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số.

4.5. Sở Nội vụ

- Tổ chức phát động phong trào thi đua chuyển đổi số trong toàn tỉnh. Hàng năm lựa chọn, vinh danh, khen thưởng cho các điển hình tiên tiến về chuyển đổi số.

- Đưa vào đánh giá thi đua khen thưởng trách nhiệm người đứng đầu về kết quả triển khai chuyển đổi số của ngành, địa phương mình.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai đào tạo chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh; hình thành các tổ chức (mới hoặc bổ sung chức năng, nhiệm vụ cho tổ chức hiện có) để phục vụ triển khai chuyển đổi số.

4.6. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn, các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm người đứng đầu trước UBND tỉnh về kết quả chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, địa bàn mình phụ trách.

- Thủ trưởng các cơ quan có lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số lập kế hoạch chi tiết, gửi Sở Thông tin và Truyền thông góp ý, trình UBND tỉnh phê duyệt, triển khai.

- Căn cứ nhiệm vụ được phân công, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch chi tiết và tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả, định kỳ trước ngày 10/12 hàng năm báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông) tình hình, kết quả thực hiện.

- Lồng ghép, cập nhật nội dung, nhiệm vụ của Chương trình, Kế hoạch, Đề án chuyển đổi số của Bộ ngành chủ quản với nội dung, nhiệm vụ của Đề án tỉnh.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị khác trong việc thực hiện các dự án liên ngành, liên vùng, đảm bảo tính đồng bộ, kết nối, liên thông; có trách nhiệm chia sẻ dữ liệu do cơ quan, đơn vị mình quản lý về Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh phục vụ chia sẻ cho các cơ quan khác khai thác, sử dụng.

4.7. Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo, Cổng Thông tin điện tử và các cơ quan truyền thông, báo chí trên địa bàn tỉnh

- Tuyên truyền chuyển đổi nhận thức của xã hội về chuyển đổi số thông qua các kênh truyền thông, chuyên trang, chuyên mục trên các chương trình truyền thanh, truyền hình.

- Phổ biến, lan tỏa câu chuyện thành công, tôn vinh gương thành công điển hình về chuyển đổi số.

4.8. Các doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh

- Triển khai chuyển đổi số cho doanh nghiệp mình và để dẫn dắt các doanh nghiệp ngành nghề khác trên địa bàn tỉnh chuyển đổi số.

- Xây dựng kế hoạch hỗ trợ các doanh nghiệp ngành nghề khác và người dân, khách hàng của mình trong chuyển đổi số.

4.9. Các doanh nghiệp và cộng đồng xã hội

- Căn cứ định hướng trong Đề án này, các doanh nghiệp chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch chuyển đổi số trong doanh nghiệp, chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh thông qua việc tái cấu trúc doanh nghiệp, tái đánh giá chuỗi giá trị, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp; khai thác tối đa Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và các nguồn lực khác để tăng cường đầu tư cho các hoạt động chuyển đổi số.

- Các doanh nghiệp có phần vốn nhà nước chủ động đi đầu, làm nòng cốt trong áp dụng và thực hiện chuyển đổi số, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp và năng lực sản xuất kinh doanh.

- Cộng đồng dân cư, tổ dân phố, hộ gia đình, các tổ chức, cá nhân chủ động, tích cực nâng cao các kỹ năng ứng dụng công nghệ số, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

5. Đánh giá tính khả thi của đề án

5.1. Tính khả thi của đề án

- Việc thống nhất được quan điểm, định hướng, nhận thức, tầm nhìn về chuyển đổi số sẽ tạo được sự đồng lòng trong toàn xã hội để thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Với mục tiêu, lộ trình thực hiện rõ ràng kết hợp sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng ngành, từng cấp sẽ giúp cho việc kiểm tra, giám sát được dễ dàng. Đây là yếu tố quyết định đảm bảo sự thành công của Đề án.

- Các nội dung, giải pháp của Đề án phù hợp với bối cảnh thế giới, tình hình trong nước và thực tiễn địa phương nên các ngành, địa phương hoàn toàn đủ khả năng xây dựng phương án triển khai có hiệu quả những nhiệm vụ được phân công trong Đề án.

- Đồng Tháp không đơn độc trong quá trình chuyển đổi số nên hoàn toàn có thể học tập, tham khảo, áp dụng cách làm hay, mô hình sáng tạo của các địa phương khác để hoàn thành các mục tiêu mà Đề án.

- Đề án phải đảm bảo tính khả thi trong đồng bộ, chia sẻ, kết nối với dữ liệu tập trung của tỉnh (từ Tỉnh đến huyện, thành phố đều có thể truy cập, dùng chung, khai thác dữ liệu), không phân tách thành cơ sở dữ liệu độc lập.

5.2. Một số tác động không mong muốn và hướng khắc phục

- Một số tác động không mong muốn khi chuyển đổi số:

+ Quyền riêng tư của người dân dễ bị xâm phạm.

+ Vấn đề tin giả, thông tin không chính xác và các phát ngôn cực đoan trên môi trường mạng xã hội không chỉ tổn hại lợi ích từng cá nhân, cộng đồng mà còn là toàn thể xã hội.

+ Tranh chấp cho các hoạt động kinh doanh, thương mại, dân sự trên môi trường số gia tăng.

- Giải pháp khắc phục:

+ Sớm ban hành các quy định về chia sẻ dữ liệu; về bảo vệ dữ liệu cá nhân; về xác thực điện tử; về bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo đảm quyền riêng tư của cá nhân.

+ Ban hành bộ quy tắc ứng xử trên môi trường mạng, xây dựng hệ thống thu thập, phân tích, xử lý thông tin trên môi trường mạng để kịp thời phát hiện những thông tin xấu, độc, giả mạo để cảnh báo cho người dân.

+ Hoàn thiện hệ thống pháp luật về xử lý tranh chấp trên môi trường mạng.

+ Tăng cường hoạt động thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng về những lợi ích của chuyển đổi số và những hành vi phạm tội trên môi trường số để người tăng cường đề cao cảnh giác.

6. Kết luận và kiến nghị

Chuyển đổi số là xu thế, là tất yếu trong thời đại ngày nay, đó là cơ hội cho các nước, các địa phương, các doanh nghiệp vượt lên trong cuộc CMCN

4.0, đồng thời nó cũng là nguy cơ tụt hậu, bị bỏ lại ngày càng xa đối với ai không quan tâm đến nó. Với khát vọng không ngừng vươn lên, không cam chịu tụt hậu của chính quyền, doanh nghiệp và người dân của xứ Sen hồng, hành trình chuyển đổi số của tỉnh Đồng Tháp nhất định sẽ mang lại những thành quả tốt đẹp.

Chuyển đổi số là công việc của nhiều cấp, nhiều ngành, và của toàn xã hội, nên cần phải được triển khai đồng bộ, có sự phối hợp, kết nối, chia sẻ rộng khắp. Chính quyền tỉnh Đồng Tháp rất mong được hỗ trợ của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành Trung ương và sự đồng hành của người dân, doanh nghiệp để đảm bảo hoàn thành các mục tiêu của Đề án, góp phần đưa tỉnh Đồng Tháp vào danh sách các địa phương có tốc độ phát triển nhanh nhất, an toàn nhất và đáng sống nhất.

IV. CÁC PHỤ LỤC

Phụ lục 1. DANH MỤC HẠNG MỤC ƯU TIÊN TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
I	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng				
1	Chuyển đổi nhận thức, nâng cao trách nhiệm triển khai				
1.1	Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành; đặc biệt là thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng tỉnh Đồng Tháp nhiệm kỳ 2020-2025	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố		Hàng năm	Điểm a, Khoản 1, Mục IV Quyết định 749/QĐ-TTg
1.2	Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách; tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, người dân và doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số; chỉ đạo tái cấu trúc, đổi mới mô hình hoạt động, điều hành và mô hình nghiệp vụ từ “truyền thống” sang sử dụng dữ liệu số	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố		Hàng năm	Điểm a, Khoản 1, Mục IV Quyết định 749/QĐ-TTg
1.3	Các cơ quan Đảng, Nhà nước, mặt trận, tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, công chức, viên chức, Đoàn thanh niên trong tham gia và thực hiện chuyển đổi số.	Đảng, Nhà nước, mặt trận, tổ chức chính trị - xã hội,		Hàng năm	

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1.4	Phát huy vai trò liên kết chuyển đổi số giữa các cơ quan nhà nước và các tổ chức, doanh nghiệp; giữa các hội, hiệp hội ngành nghề CNTT với các hội, hiệp hội chuyên ngành trong các lĩnh vực khác để tạo hiệu ứng lan tỏa ra xã hội.	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố		Hàng năm	Điểm b, Khoản 1, Mục IV Quyết định 749/QĐ-TTg
1.5	Xây dựng Chuyên mục về Chuyển đổi số trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo Đồng Tháp và các phương tiện thông tin đại chúng. Chia sẻ, lan tỏa, phổ biến câu chuyện thành công, tôn vinh gương thành công điển hình về chuyển đổi số.	Các cơ quan truyền thông, báo chí		Hàng năm	Điểm c, Khoản 1, Mục IV Quyết định 749/QĐ-TTg
1.6	Hàng năm tổ chức sự kiện “Ngày chuyển đổi số” tại tỉnh Đồng Tháp kết hợp công bố và quảng bá các sản phẩm công nghệ số được sản xuất tại Đồng Tháp. Thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số, công nghệ số tại tỉnh nhằm trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, mô hình, giải pháp đã triển khai thành công.	Sở Thông tin và Truyền thông		Hàng năm	Tiêu chí tại Bộ chỉ số Chuyển đổi số cấp tỉnh
1.7	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội về chuyển đổi số. Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng.	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	Tiêu chí tại Bộ chỉ số Chuyển đổi số cấp tỉnh
1.8	Thiết lập Tổng đài và các kênh để truyền thông, hướng dẫn, hỗ trợ về chuyển đổi số; đồng thời để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	Giao thêm nhiệm vụ cho Tổng đài 1022
2	Cơ chế chính sách				

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2.1	Rà soát sửa đổi hoặc đề xuất Trung ương sửa đổi cơ chế để áp dụng công nghệ số, dữ liệu số trong chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế- xã hội; cấu trúc lại quy trình hoạt động và cung cấp dịch vụ công	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố		Hàng năm	
2.2	Xây dựng cơ chế cho phép triển khai thí điểm các mô hình và công nghệ mới theo cơ chế thử nghiệm có kiểm soát về phạm vi, không gian và thời gian thử nghiệm (sandbox), đặc biệt chú trọng các công nghệ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư theo Quyết định số 2117/QĐ- TTg ngày 16/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ; người đứng đầu cơ quan, địa phương có chỉ đạo và triển khai mô hình và công nghệ mới để giải quyết bài toán của cơ quan, ngành, địa phương mình để đánh giá, nhân rộng thúc đẩy phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Đặt hàng doanh nghiệp triển khai các ứng dụng công nghệ số để giải quyết các bài toán mới tại tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2021-2022	Điểm a, Khoản 2, Mục IV Quyết định 749/QĐ-TTg
2.3	Rà soát ban hành quy trình, thủ tục thống nhất, đồng bộ về tiếp nhận, xử lý ban hành văn bản trong toàn hệ thống trong cơ quan Đảng. Ban hành các thủ tục hành chính Đảng, bao gồm cả liên thông nhằm nâng cao hiệu quả xử lý và giúp các tổ chức, cá nhân có thể dễ dàng tra cứu, thực hiện đảm bảo về mặt thủ tục.	Văn phòng Tỉnh ủy	Các cơ quan Đảng trên địa bàn tỉnh	Hàng năm	
2.4	Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các kiến trúc, quy chế, quy định về xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin phục vụ Chính quyền số phù hợp với định hướng Chiến lược quốc gia	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2.5	Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách thủ tục hành chính với phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số. Rà soát các thủ tục hành chính công, thủ tục hành chính ngoài một cửa, thủ tục sự nghiệp công, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước theo hướng đơn giản hoá hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số. Rà soát loại bỏ một số thành phần hồ sơ, thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số.	Văn phòng UBND Tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	
2.6	Xây dựng các chính sách, chiến lược phát triển và sử dụng dữ liệu số; trong đó ưu tiên sử dụng dữ liệu số thay thế thành phần hồ sơ, giấy tờ phải nộp trong cung cấp dịch vụ công và sử dụng dữ liệu số trong chỉ đạo, điều hành để phát triển kinh tế- xã hội. Xây dựng, ban hành Quy chế kết nối, quản lý và chia sẻ dữ liệu số trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
2.7	Triển khai cơ chế quản lý điều chỉnh thử nghiệm (sandbox) về triển khai và ứng dụng công nghệ mới trong các mô hình kinh tế chia sẻ theo Quyết định số 999/QĐ-TTg ngày 12/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ khi có hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2021-2025	Nhiệm vụ tại Điểm a, Khoản 2, Mục IV Quyết định 749/QĐ-TTg
3	Phát triển hạ tầng kỹ thuật số				
3.1	Kết nối hệ thống mạng giữa khối Đảng với khối Chính quyền và đưa vào sử dụng để trao đổi một số nội dung cần thiết nhằm phát huy hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành.	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng Tỉnh ủy	2021-2022	
3.2	Xây dựng, triển khai phương án ngừng dịch vụ mạng 2G và phát triển mạng 5G trên địa bàn tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND các huyện, thành phố	2021-2025	

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
3.3	Nâng cấp, mở rộng, cải tạo Mạng WAN của tỉnh đáp ứng yêu cầu kết nối số.	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
3.4	Triển khai chuyển đổi toàn bộ hệ thống ứng dụng của tỉnh sang sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6).	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
3.5	Thiết lập Trung tâm giám sát điều hành thông minh của tỉnh (Intelligent Operation Center - IOC) để thực hiện quản lý, điều hành tập trung, đa nhiệm trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, đô thị. Nâng cấp, hoàn thiện các Trung tâm chuyên ngành như giao thông, an ninh, phòng cháy chữa cháy, môi trường, điện chiếu sáng, điện lực, cấp nước..., kết nối, tích hợp về Trung tâm IOC của tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
3.6	Xây dựng Quy hoạch mạng lưới hệ thống camera giám sát trên địa bàn tỉnh; bổ sung camera các khu vực trọng điểm; triển khai kết nối, chia sẻ, quản lý đồng bộ dữ liệu camera trên địa bàn.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2021-2022	
3.7	Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số.	Sở Thông tin và Truyền thông; Các sở quản lý hạ tầng	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2025-2030	
4	Phát triển dữ liệu số				
4.1	Hoàn thiện CSDL đất đai, xây dựng bản đồ quy hoạch sử dụng đất, bản đồ quỹ đất, chia sẻ dữ liệu và bản đồ nền về Trung tâm tích hợp dữ liệu. Nâng cấp, mở rộng bản đồ nền GIS để áp dụng cho các dữ liệu không gian của các chuyên ngành	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2021-2025	

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
4.2	Phát triển CSDL hạ tầng đô thị, hợp nhất các dữ liệu đất đai, quy hoạch, xây dựng, giao thông, cấp thoát nước, cây xanh, phòng cháy chữa cháy, viễn thông, lưới điện... trên nền tảng công nghệ GIS.	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
4.3	Chuẩn hóa, hoàn thiện CSDL công dân, doanh nghiệp của tỉnh, kết nối, đồng bộ dữ liệu từ CSDL quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	Sở Thông tin và Truyền thông	Công an Tỉnh; Sở KH&ĐT	2021-2025	
4.4	Phát triển CSDL chuyên ngành và quản lý nhà nước; chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu CSDL chuyên ngành và quản lý nhà nước hiện có để đưa vào Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh chia sẻ, khai thác; kết nối, tích hợp với CSDL quy mô quốc gia.	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2021-2025	
4.5	Phát triển Kho dữ liệu dùng chung toàn tỉnh cho phép thu thập, lưu trữ, tổng hợp từ nhiều nguồn dữ liệu khác nhau (có cấu trúc, bán cấu trúc, phi cấu trúc), phân tích, xử lý, khai phá, hỗ trợ ra quyết định; đồng thời chia sẻ cho các cơ quan trên địa bàn tỉnh sử dụng.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
4.6	Bổ sung, hoàn thiện Cổng dữ liệu mở theo các tiêu chuẩn mở trong nước và quốc tế, tích hợp với Cổng dữ liệu quốc gia (data.gov.vn) và Hệ tri thức Việt số hóa; thường xuyên cập nhật, cung cấp dữ liệu mở cho người dân, doanh nghiệp tra cứu, khai thác.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2022-2030	
4.7	Thu nhận, sử dụng và chia sẻ dữ liệu chuyên ngành của tỉnh Đồng Tháp từ hệ thống của Bộ, ngành Trung ương về Kho dữ liệu tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2021-2030	
5	Phát triển nền tảng số				

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
5.1	Nâng cấp, hoàn thiện nền tảng CQĐT và Trục tích hợp chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Bộ Thông tin và Truyền thông, kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (National Data Exchange Platform - NDXP).	Sở Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành TW;	2021-2025	
5.2	Phát triển nền tảng thông tin định danh cá nhân và kho dữ liệu số của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, kết nối với Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh, các hệ thống thông tin của các đơn vị như điện lực, cấp nước, môi trường đô thị, công chứng,... tạo thuận lợi cho giao dịch điện tử giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan nhà nước và các giao dịch điện tử dân sự khác.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố; Các DN đóng trên địa bàn tỉnh	2025-2030	- Nhiệm vụ tại Điểm a, Khoản 4, Mục IV Quyết định số 749/QĐ-TTg
5.3	Hoàn thiện nền tảng thanh toán trực tuyến, mở rộng đa dạng các đối tác, hình thức thanh toán và triển khai nhân rộng cho các dịch vụ sự nghiệp công (học phí, viện phí, phí rác thải,...) và các giao dịch dân sự (thương mại điện tử, đấu giá tài sản,...).	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố; Các ngân hàng, tổ chức tài chính	2022-2025	
5.4	Xây dựng nền tảng IoT (IoT Platform) nhằm kết nối, tích hợp, kiểm soát, quản lý các thiết bị IoT, hỗ trợ phân tích dữ liệu, cung cấp thông tin, cảnh báo, hỗ trợ ra quyết định.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2025-2030	
5.5	Xây dựng nền tảng phân tích dữ liệu thông minh (AI Platform), sử dụng các công nghệ như học máy, khai phá dữ liệu,.. phục vụ công tác dự báo các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, hỗ trợ việc ra quyết định, xây dựng chính sách.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2025-2030	

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
5.6	Nâng cấp, hoàn thiện App e – DongThap như một nền tảng di động cung cấp đa dịch vụ, tiện ích.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
5.7	Xây dựng nền tảng trong lĩnh vực giáo dục như: Nền tảng dạy – học trực tuyến	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2023-2025	
6	Phát triển nguồn nhân lực				
6.1	Tổ chức đào tạo, tập huấn, cập nhật kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, công nghệ số, công nghệ 4.0 cho lãnh đạo và CBCCVC, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	
6.2	Thu hút chuyên gia, nhân lực CNTT tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ đến tỉnh đầu tư, làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	
6.3	Hình thành tổ chức giám sát và vận hành Trung tâm IOC; các tổ/đội triển khai chính quyền số tại các cơ quan, địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông;	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
7	Bảo đảm an toàn thông tin mạng				

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
7.1	Thuê dịch vụ giám sát điều hành an toàn, an ninh mạng (Security Operation Center - SOC) kết nối với Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia, Hệ thống an ninh mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	Chiến lược phát triển Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030; Điểm e Khoản 5 Mục IV Quyết định số 749/QĐ-TTg
7.2	Thuê dịch vụ đánh giá ATTT	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	Chỉ thị 14/CT-TTg
7.3	Tổ chức xác định cấp độ an toàn thông tin và thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin quan trọng của tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2021-2023	Nghị định 85/2016/NĐ-CP và Chỉ thị số 14/CT-TTg
7.4	Triển khai hiệu quả Hệ thống giám sát thông tin mạng xã hội nhằm cảnh báo sớm và xử lý, ngăn chặn khủng hoảng truyền thông.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	Chỉ thị 41-CT/TW của Ban Bí thư
7.5	Thiết lập mạng lưới kết nối các chuyên gia, tổ chức, doanh nghiệp an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh và quốc gia nhằm chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ xử lý sự cố an toàn thông tin.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	
7.6	Thiết lập hệ thống phòng chống mã độc, chia sẻ thông tin cho Trung tâm giám sát ATTT mạng quốc gia	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	Chỉ thị 14/CT-TTg

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
7.7	Đào tạo, diễn tập ứng phó sự cố ATTT cho đội ngũ chuyên trách CNTT	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	Chỉ thị 14/CT-TTg
8	Hợp tác, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số				
8.1	Chủ động, tích cực tham gia các tổ chức, diễn đàn trong nước và quốc tế về chuyển đổi số, đô thị thông minh, tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm, huy động nguồn lực, nghiên cứu, phát triển, chuyển giao các công nghệ mới, mô hình mới.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	
8.2	Triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có kết quả, sản phẩm phù hợp với định hướng xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh; ưu tiên các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho chuyển đổi số, chú trọng các nhiệm vụ có kinh phí đối ứng của doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	
8.3	Lựa chọn ưu tiên nghiên cứu một số công nghệ cốt lõi có thể đi tắt đón đầu cũng như có khả năng bứt phá mạnh mẽ như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain) và thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR). Ưu đãi, hỗ trợ mạnh các doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển và khuyến khích các doanh nghiệp lớn, truyền thống đi đầu trong việc ứng dụng các công nghệ này vào hoạt động sản xuất, thương mại	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp	2025-2030	
8.4	Huy động nguồn lực doanh nghiệp trong triển khai chuyển đổi số qua hình thức thuê dịch vụ CNTT, hợp tác công-tư.	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Các DN viễn thông, CNTT	Hàng năm	

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
8.5	Hợp tác với Hiệp hội, doanh nghiệp, Viện, Trường; các địa phương và tổ chức quốc tế trong hợp tác, tài trợ, nghiên cứu, phát triển các sản phẩm công nghệ số	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Các Hiệp hội, doanh nghiệp, Viện, Trường, tổ chức quốc tế	Hàng năm	
II	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp phát triển Chính quyền số				
1	Hoàn thiện, cập nhật các ứng dụng dùng chung của Hệ thống thông tin chính quyền điện tử (Văn bản điều hành, một cửa điện tử, các ứng dụng chuyên ngành, các danh mục dùng chung)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2021-2022	
2	Kết nối và liên thông giữa các cơ quan Đảng và cơ quan chính quyền nhằm tạo sự thuận tiện trong việc trao đổi thông tin, phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành.	Văn phòng Thành Ủy	Các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy	2022-2023	
3	Hoàn thiện Cổng Dịch vụ công tỉnh theo hướng cung cấp dịch vụ số, kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng thanh toán trực tuyến quốc gia, Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số và các hệ thống quy mô quốc gia cần thiết khác; triển khai 100% dịch vụ công trực tuyến mức 4 ngoại trừ những dịch vụ yêu cầu sự hiện diện bắt buộc theo quy định của pháp luật; cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2021-2022	Khoản 6 Mục V Quyết định số 749/QĐ-TTg; Chiến lược phát triển Chính phủ số giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030
4	Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2021-2023	Khoản 7 Mục V Quyết định số 749/QĐ-TTg

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
5	Số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2021-2025	Khoản 7 Mục V Quyết định số 749/QĐ-TTg; Kế hoạch 147/KH-UBND ngày 23/06/2020
6	Áp dụng công nghệ phân tích dữ liệu lớn (Big Data Analytics), trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR) để thực hiện chuyển đổi số toàn diện các mặt công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2025-2030	Khoản 5 Mục V Quyết định số 749/QĐ-TTg
7	Xây dựng Hệ thống quản lý, chia sẻ dữ liệu số của hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, giúp người dân quản lý, lưu trữ dữ liệu điện tử của mình, cung cấp chia sẻ với các cơ quan nhà nước, hạn chế việc sử dụng văn bản giấy và cung cấp lặp lại thông tin cho các cơ quan nhà nước.	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2021-2025	Nghị định số 45/2020/NĐ-CP; Khoản 6 Mục V Quyết định 749/QĐ-TTg; Chiến lược phát triển Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
8	Mỗi ngành, lĩnh vực, địa phương xây dựng kế hoạch, phương án và từ năm 2022 triển khai sử dụng thí điểm 01 loại dữ liệu số do đơn vị mình quản lý (dân cư, doanh nghiệp, nhân hộ khẩu, hộ tịch, đất đai, xây dựng...) để thay thế thành phần hồ sơ phải nộp khi thực hiện TTHC.	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2021-2025	

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
9	Hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, triển khai áp dụng cho tất cả các cơ quan nhà nước.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2021-2022	Khoản 4 Mục V Quyết định số 749/QĐ-TTg
10	Xây dựng Hệ thống phân tích dữ liệu và mô phỏng về các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, các hoạt động của đô thị, kết hợp trình diễn hiển thị (Dashboard) bằng biểu đồ, sơ đồ để phục vụ sự chỉ đạo, điều hành nhanh chóng, kịp thời, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu của cơ quan trên địa bàn tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2022-2023	
11	Triển khai phòng họp không giấy	Văn phòng UBND tỉnh	UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	
III	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp phát triển Kinh tế số				
1	Triển khai Đề án thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ ban hành tại Quyết định số 999/QĐ-TTg ngày 12/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh; tạo môi trường kinh doanh bình đẳng giữa kinh tế chia sẻ và kinh tế truyền thống; tiếp tục rà soát, kiến nghị các Bộ, ngành trung ương điều chỉnh các quy định, điều kiện kinh doanh theo hướng đơn giản hóa các thủ tục hành chính, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng cho các doanh nghiệp, các mô hình kinh doanh	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2023-2025	
2	Xây dựng, ban hành và triển khai Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh, từng bước tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2022-2023	Nhiệm vụ tại Khoản 4 Mục VI Quyết định số 749/QĐ-TTg

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
3	Lựa chọn một số doanh nghiệp sản xuất công nghiệp để triển khai thí điểm mô hình nhà máy thông minh, các hệ thống thông minh như hệ thống quản lý sản xuất tích hợp tập trung (Manufacturing Execution System), hệ thống hoạch định tài nguyên doanh nghiệp (Enterprise Resource Planning), hệ thống quản lý kho thông minh, hệ thống lập kế hoạch và quản lý sản xuất (Production Planning and Management - PPM), hệ thống kết nối vạn vật công nghiệp (Industrial IoT)...	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2023-2025	Tiêu chí Bộ chỉ số Chuyển đổi số cấp tỉnh
4	Triển khai Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
6	Lĩnh vực du lịch				
6.1	Số hóa toàn bộ điểm đến, sản phẩm du lịch của tỉnh; xây dựng bản đồ số du lịch với các thông tin được chuẩn hóa; phát triển ứng dụng thuyết minh du lịch trên thiết bị di động thông minh thông qua công nghệ chuyển đổi giọng nói giữa tiếng Việt và các ngôn ngữ thông dụng khác.	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
6.2	Triển khai ứng dụng theo hướng tất cả dịch vụ du lịch trong một ứng dụng, hỗ trợ khách du lịch trong toàn bộ quá trình trước, trong và sau chuyến đi (đặt phòng, tour du lịch, vé tham quan, thuê xe vận chuyển, vé máy bay; mua các dịch vụ du lịch trực tuyến,...); kết nối Cổng Góp ý và các hệ thống khác nhằm tiếp nhận phản hồi và xử lý phản hồi của khách du lịch; đánh giá mức độ hài lòng của khách du lịch; kết nối với Cổng thanh toán trực tuyến và các nền tảng thanh toán trực tuyến, mua vé trực tuyến khác	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	UBND các huyện, thành phố	2021-2023	

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
6.3	Triển khai ứng dụng quản lý truy vết khách du lịch, thẻ vé qua QR Code	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	UBND các huyện, thành phố	2021-2023	
6.4	Ứng dụng công nghệ thực tế ảo, thực tế tăng cường và các công nghệ mới khác nhằm đưa đến những dịch vụ tốt nhất về trải nghiệm, tiện dụng, tăng giá trị và sức hấp dẫn đối với khách du lịch cũng như các điểm đến du lịch.	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
6.5	Khuyến khích, đẩy mạnh các dịch vụ thanh toán trực tuyến (qua ví điện tử, thẻ ngân hàng trực tuyến, QR Code...) tại các điểm đến du lịch	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	UBND các huyện, thành phố	2021-2022	
7	Lĩnh vực giao thông vận tải				
7.1	Triển khai Cổng thông tin giao thông trực tuyến và ứng dụng di động cho hệ thống giao thông công cộng, cho phép người dân tra cứu thông tin các tuyến xe buýt, xe chạy tuyến cố định, và đặt vé qua mạng hoặc nạp tiền vào tài khoản thẻ để thanh toán không dùng tiền mặt.	Sở Giao thông Vận tải	UBND các huyện, thành phố	2021-2022	
7.2	Số hóa hạ tầng giao thông (hạ tầng nổi và hạ tầng ngầm) trên bản đồ số GIS, chia sẻ cho các cơ quan có liên quan khai thác sử dụng phục vụ công tác xây dựng và duy tu bảo dưỡng công trình giao thông, quản lý quy hoạch giao thông.	Sở Giao thông Vận tải	UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
7.3	Hoàn thiện CSDL ngành giao thông vận tải và chia sẻ cho các cơ quan có nhu cầu sử dụng thông qua trực tích hợp dữ liệu LGSP của tỉnh, chia sẻ cho người dân và doanh nghiệp thông qua cổng dữ liệu mở của tỉnh.	Sở Giao thông Vận tải	UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
7.5	Thí điểm triển khai hệ thống đỗ xe thông minh để quản lý các bãi đỗ xe công cộng và phát hiện việc đậu đỗ xe trái phép.	Sở Giao thông Vận tải	UBND các huyện, thành phố	2026-2027	

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
7.6	Triển khai hệ thống giám sát lưu lượng giao thông theo thời gian thực, phát hiện kẹt xe, ùn ứ.	Sở Giao thông Vận tải	UBND các huyện, thành phố	2022-2025	
7.7	Mở rộng, nâng cấp hệ thống điều khiển đèn tín hiệu giao thông tự động, có khả năng tự động điều chỉnh chu kỳ đèn tín hiệu tại các nút giao thông dựa trên lưu lượng giao thông thực tế.	Sở Giao thông Vận tải	UBND các huyện, thành phố	2022-2025	
8	Lĩnh vực tài nguyên và môi trường				
8.1	Xây dựng bản đồ hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh, bản đồ dự đoán khu vực ngập nước trong khu vực đô thị và nông thôn khi xảy ra mưa bão, lũ lụt.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Ban QLKKT, UBND các huyện, thành phố	2026-2030	
8.2	Số hóa thông tin các cơ sở xả thải, nguồn xả thải và các đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh; chia sẻ dữ liệu, thông tin dùng chung, phục vụ giám sát.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Ban QLKKT, UBND các huyện, thành phố	2026-2030	
8.3	Xây dựng, ban hành và triển khai Chương trình quan trắc chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Ban QLKKT, UBND các huyện, thành phố	2022-2023	
8.4	Số hóa quy trình thu gom rác, xây dựng hệ thống quản lý giám sát thu gom rác thải theo thời gian thực và công khai cho người dân. Triển khai các dịch vụ thu gom rác quá khổ, rác độc hại, rác tái chế... thông qua môi trường mạng	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thành phố	2026-2030	
8.5	Xây dựng Cổng Thông tin đất đai tỉnh để công khai minh bạch dữ liệu đất đai, quỹ đất trống, quỹ đất kêu gọi đầu tư	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thành phố	2023-2025	
9	Lĩnh vực nông nghiệp				

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
9.1	Quản lý quy hoạch nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, phát triển nông thôn... (phân bổ, diện tích, sản lượng, giá trị sản xuất; khí tượng – thủy văn, thổ nhưỡng; các xã nông thôn mới, hợp tác xã...).	Sở NN&PTNT	Sở TN&MT; UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
9.2	Xây dựng kế hoạch sản xuất, theo dõi tiến độ thực hiện kế hoạch (vùng sản xuất, tiến độ, sản lượng, tiêu chuẩn áp dụng theo yêu cầu doanh nghiệp...).	Sở NN&PTNT	Sở Công Thương; UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
9.3	Quản lý tình hình dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản (bản đồ dịch tễ, số liệu dịch bệnh qua các năm để dự báo...).	Sở NN&PTNT	UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
9.4	Kết nối các đại lý, công ty cung ứng vật tư nông nghiệp; công ty thu mua sản phẩm nông nghiệp; các chợ đầu mối, kho trữ, cơ sở giết mổ...	Sở NN&PTNT	Sở Công Thương; UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
9.5	Kết nối vùng nguyên liệu (chủ thể sản xuất, diện tích, sản lượng, mùa vụ, các tiêu chuẩn áp dụng, khoảng cách đến trục chính giao thông thủy, bộ...) quản lý chỉ dẫn địa lý, mã số vùng trồng phục vụ truy xuất nguồn gốc nông sản.	Sở NN&PTNT	UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
9.6	Hệ thống hạ tầng thủy lợi thông minh (các trạm bơm, hệ thống kênh, giao thông phục vụ tiêu thụ sản phẩm...).	Sở NN&PTNT	UBND các huyện, thành phố	2021-2025	

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
9.7	Phát triển hệ sinh thái nền tảng chuyển đổi số nông nghiệp áp dụng đồng bộ từ cấp tỉnh, huyện, xã thông qua sử dụng ứng dụng trên thiết bị vi tính và thiết bị di động thông minh (điện thoại thông minh)	Sở NN&PTNT	UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
10	Xây dựng thí điểm mô hình Làng thông minh và phối hợp đề xuất nhân rộng mô hình	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND TPCL, UBND HCL	2021-2025	
IV	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp phát triển Xã hội số				
1	Triển khai tuyên truyền về chuyển đổi số, hướng dẫn khuyến khích người dân, doanh nghiệp, du khách sử dụng từng chức năng, ứng dụng cụ thể của chuyển đổi số trên các kênh truyền thông.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan truyền thông; UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
2	Triển khai áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật, kinh doanh, doanh nghiệp (giáo dục STEAM/STEAM/STEAME) theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; hướng dẫn học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông nội dung về chuyển đổi số, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn thông tin để học sinh có cơ hội nghiên cứu, tiếp cận. Thực hiện đào tạo, tập huấn hướng nghiệp để học sinh có các kỹ năng sẵn sàng cho môi trường số.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường học các cấp	2021-2025	Nhiệm vụ tại Khoản 4 Mục VII Quyết định số 749/QĐ-TTg
3	Phát triển hệ sinh thái các ứng dụng công nghệ số cung cấp các dịch vụ số thiết yếu, thông minh cho người dân.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2021-2025	

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
4	Xây dựng và ban hành bộ quy tắc ứng xử trên môi trường số cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2021-2025	Nhiệm vụ tại Khoản 7 Mục VII Quyết định số 749/QĐ-TTg
6	Lĩnh vực y tế				
6.1	Xây dựng hệ thống thông tin điều hành y tế thông minh ngành Y tế	Sở Y tế		2021-2022	
6.2	Triển khai xây dựng mô hình bệnh viện thông minh	Sở Y tế	BVĐK Đồng Tháp, BVĐK Sa Đéc	2021-2022	
6.3	Triển khai bệnh án điện tử cho bệnh các bệnh viện Đa khoa khu vực	Sở Y tế	BVĐKKV Hồng Ngự, BVĐKKV Tháp Mười	2021-2023	
6.4	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý chăm sóc sức khỏe cộng đồng	Sở Y tế		2021-2023	Hồ sơ sức khỏe điện tử, tin học hóa trạm y tế xã, triển khai tư vấn khám chữa bệnh từ xa về y tế cơ sở

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
6.5	Triển khai ứng dụng bệnh án điện tử cho các bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh và 12 Trung tâm Y tế tuyến huyện	Sở Y tế	05 bệnh viện chuyên khoa, Bệnh viện Quân Dân Y và 12 Trung tâm Y tế tuyến huyện	2022-2025	
6.6	Mở rộng nâng cấp hệ thống lưu trữ và chẩn đoán hình ảnh	Sở Y tế	Các bệnh viện, cơ sở y tế	2022-2024	
6.7	Đào tạo huấn luyện về y tế thông minh và xây dựng hệ thống hỗ trợ ra quyết định y học lâm sàng	Sở Y tế	Các đơn vị trực thuộc ngành Y tế	2021-2022	
6.8	Triển khai tất cả các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh tiếp nhận khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế trên ứng dụng bảo hiểm xã hội số - VssID thay cho thẻ bảo hiểm y tế giấy.	Bảo hiểm Xã hội Tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2021-2022	
7	Lĩnh vực giáo dục				

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
7.1	Hoàn thiện hệ thống học bạ điện tử của học sinh theo quy chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các huyện, thành phố	2021-2022	
7.2	Số hóa, xây dựng CSDL tài liệu, giáo trình điện tử. Xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường ĐH, CĐ; UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
7.3	Triển khai dạy và học trực tuyến; ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông trước khi đến lớp học.	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
7.4	Triển khai thanh toán học phí, lệ phí điện tử không dùng tiền mặt cho tất cả các trường học	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường ĐH, CĐ; UBND các huyện, thành phố	2021-2022	

Phụ lục 2. KPI CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TỈNH ĐỒNG THÁP GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

STT	Nhóm/Tên chỉ tiêu	Mục tiêu đến 2025	Mục tiêu đến 2030	Ghi chú
I	Chính quyền số			
1	Cung cấp DVC trực tuyến mức 3, 4	100% TTHC có đủ điều kiện	100% DVCTT được cung cấp trên nhiều phương tiện khác nhau	
2	DVC trực tuyến có phát sinh hồ sơ	70%	80%	
3	DVC trực tuyến có chức năng định danh, xác thực một lần và thanh toán số	100%	100%	
4	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết TTHC	80%	90%	
5	Tỷ lệ CQNN tham gia cung cấp dữ liệu mở	80%	100%	
6	Tỷ lệ văn bản được trao đổi qua môi trường mạng dưới dạng văn bản điện tử (trừ VB mật)	100%	100%	
7	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng	Cấp tỉnh: 90% Cấp huyện: 80% Cấp xã: 60%	Cấp tỉnh: 100% Cấp huyện: 90% Cấp xã: 70%	
8	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán qua Kho bạc nhà nước được nộp trực tuyến	90%	100%	
9	Tỷ lệ cơ quan hành chính sử dụng hệ thống thông tin báo cáo	100%	100%	
10	Số hoá kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực	100%	100%	
11	Tỷ lệ họp trực tuyến của các cuộc họp có 2 cấp tham gia trở lên	80%	90%	
12	Tỷ lệ CSDL quốc gia được kết nối, khai thác phục vụ nhu cầu của tỉnh	100%	100%	
13	Tỷ lệ thiết bị quan trắc sử dụng công nghệ số, bảo đảm thu nhận trực tiếp dữ liệu số	80%	100%	
14	Tỷ lệ đường giao thông được lắp đặt hệ thống camera giám sát giao thông	Quốc lộ: 100% Tỉnh lộ: 50%	Quốc lộ: 100% Tỉnh lộ: 100%	
15	Tỷ lệ CBCC được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số, kiến	50%	100%	

	trúc Chính quyền điện tử			
16	Tỷ lệ CBCC được tập huấn nâng cao nhận thức về an toàn thông tin	100%	100%	
II	Kinh tế số			
1	Tỷ lệ dân số tham gia mua sắm trực tuyến	55%	75%	
2	Thanh toán không dùng tiền mặt trong thương mại điện tử	50%	80%	
3	Tỷ lệ giao dịch mua hàng trên website/ứng dụng thương mại điện tử có hóa đơn điện tử	70%	95%	
4	Tỷ lệ xã và các đơn vị hành chính tương đương trên địa bàn tỉnh có thương nhân thực hiện hoạt động bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ trực tuyến	50%	80%	
5	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ tiến hành hoạt động kinh doanh trên các sàn giao dịch thương mại điện tử	50%	80%	
6	Tỷ lệ đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông, truyền hình trả tiền triển khai thu cước, phí theo hình thức không dùng tiền mặt.	100%	100%	
7	Tỷ lệ dịch vụ vận tải đường bộ triển khai hình thức thu phí không dùng tiền mặt.	50%	70%	
8	Tỷ lệ đóng góp của kinh tế số vào GRDP của tỉnh	20%	30%	
9	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực	10%	20%	
10	Tăng năng suất lao động hàng năm	7%	8%	
III	Xã hội số			
1	Tỷ lệ khóm, ấp được phủ mạng Internet băng rộng cố định (cáp quang) và băng rộng di động	100%	100%	
2	Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử	>40%	50%-60%	
3	Tỷ lệ dân số có kỹ năng số cơ bản	70%	>80%	
4	Tỷ lệ hộ gia đình có địa chỉ Vpostcode	90%	100%	
5	Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng Smartphone	>90%	100%	
6	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cố định	>70%	>90%	

Phụ lục 3. DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

STT	Tên chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ	Khái toán kinh phí (triệu đồng)	Tg thực hiện	Chủ trì	Phối hợp	Nguồn vốn	Ghi chú
I	XÂY DỰNG NỀN TẢNG						
1	Xây dựng Chuyên mục về Chuyển đổi số trên Cổng Thông tin điện tử, Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo Đồng Tháp và các phương tiện thông tin đại chúng	4.000	Hàng năm (2021-2030)	Sở TT&TT	Báo, Đài PTTH, Cổng TT&TT tỉnh Đồng Tháp; UBND các huyện, thành phố		Mục 1.5 phần I
2	Thiết lập Tổng đài và các kênh để truyền thông, hướng dẫn, hỗ trợ về chuyển đổi số	9.000	Hàng năm (2021-2030)	Văn phòng UBND tỉnh	Sở TT&TT		Mục 1.8 phần I
3	Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các kiến trúc, quy chế, quy định về xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin phục vụ Chính quyền số phù hợp với định hướng Chiến lược quốc gia	2.000	Hàng năm (2021-2030)	Sở TT&TT	Sở TC, VP. UBND tỉnh		Mục 2.4 phần I
4	Kết nối hệ thống mạng giữa khối Đảng với khối Chính quyền và đưa vào sử dụng để trao đổi một số nội dung cần thiết nhằm phát huy hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành.	500	2021-2022	Văn phòng Tỉnh uỷ	Sở TT&TT		Mục 3.1 phần I và mục 2 phần II
5	Ngừng dịch vụ mạng 2G và phát triển mạng 5G trên địa bàn tỉnh	780.000	2022-2025	Sở TT&TT	Các DN kinh doanh DV viễn thông trên địa bàn tỉnh	Xã hội hoá	Mục 3.2 phần I

STT	Tên chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ	Khái toán kinh phí (triệu đồng)	Tg thực hiện	Chủ trì	Phối hợp	Nguồn vốn	Ghi chú
6	Nâng cấp hạ tầng Trung tâm dữ liệu và Hệ thống an toàn thông tin mạng tỉnh Đồng Tháp	55.800	2022-2024	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố		Mục 3.3 phần I
7	Triển khai chuyển đổi toàn bộ hệ thống ứng dụng của tỉnh sang sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6).	3.000	2022-2024	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố		Mục 3.4 phần I
8	Triển khai Trung tâm điều hành thông minh (IOC)	24.999	2021-2022	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố		Mục 3.5, 3.6, 5.6, 6.3 phần I
9	Xây dựng nền tảng IoT (IoT Platform)	15.000	2025 - 2030	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố		Mục 5.4 phần I
10	Xây dựng nền tảng phân tích dữ liệu thông minh (AI Platform)	25.000	2025 - 2030	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố		Mục 5.5 phần I
11	Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu GIS phục vụ quản lý cơ sở hạ tầng giai đoạn 1, trên địa bàn huyện Cao Lãnh	18.197	2021-2023	Sở TN&MT	UBND huyện Cao Lãnh		Mục 4.1 phần I
12	Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu GIS phục vụ quản lý cơ sở hạ tầng giai đoạn 1, trên địa bàn huyện Lấp Vò	16.047	2021-2023	Sở TN&MT	UBND huyện Lấp Vò		Mục 4.1 phần I
13	Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu GIS phục vụ quản lý cơ sở hạ tầng giai đoạn 1, trên địa bàn huyện Lai Vung	12.111	2021-2023	Sở TN&MT	UBND huyện Lai Vung		Mục 4.1 phần I

STT	Tên chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ	Khái toán kinh phí (triệu đồng)	Tg thực hiện	Chủ trì	Phối hợp	Nguồn vốn	Ghi chú
14	Hoàn thiện CSDL đất đai, mở rộng bản đồ nền GIS để áp dụng cho các dữ liệu không gian của các chuyên ngành	130.000	2024-2026	Sở TN&MT	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố		Mục 4.1 phần I
15	Hệ thống quản lý quy hoạch hạ tầng đô thị	46.000	2021-2024	Sở Xây dựng	UBND các huyện, thành phố		Mục 4.2 phần I
16	Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung và nền tảng dữ liệu mở tỉnh Đồng Tháp	43.300	2022-2024	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố		Mục 4.3, 4.4, 4.5, 4.6, 4.7, 5.1, 5.2 phần I, mục 7 phần II
17	Xây dựng Hệ thống đào tạo trực tuyến tỉnh	9.500	2024-2025	Sở TT&TT	Sở GD&ĐT; Sở NV; Trường Chính trị		Mục 5.7 phần I, mục 7.3 phần IV
18	Đào tạo, tập huấn, cập nhật kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, công nghệ số, công nghệ 4.0 cho lãnh đạo và CBCCVC, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh	5.000	Hàng năm (2021-2030)	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố		Mục 1.7, 6.1 phần I
II	CHÍNH QUYỀN SỐ						
19	Thuê dịch vụ Giám sát, đánh giá ATTT	20.000	Hàng năm (2021-2030)	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố		Mục 7.1, 7.2 phần I

STT	Tên chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ	Khái toán kinh phí (triệu đồng)	Tg thực hiện	Chủ trì	Phối hợp	Nguồn vốn	Ghi chú
20	Giám sát thông tin mạng xã hội nhằm cảnh báo sớm và xử lý, ngăn chặn khủng hoảng truyền thông	7.000	Hàng năm (2021-2030)	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố		Mục 7.4 phần I
21	Đào tạo ATTT cho CBCC	1.600	Hàng năm (2021-2030)	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố		Mục 7.8 phần I
22	Tích hợp chức năng theo dõi, giao nhiệm vụ và lưu trữ điện tử vào phần mềm Quản lý văn bản và điều hành	5.000	2022-2023	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố		Mục 1, 4 phần II
23	Cổng dịch vụ công và điều hành tác nghiệp nội bộ tỉnh Đồng Tháp	22.145	2021-2022	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố		Mục 3 phần II
24	Số hoá kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực	25.000	2021-2025	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố		Mục 5 phần II
25	Hệ thống thông tin ngành Thông tin và Truyền thông	5.800	2021-2022	Sở TT&TT	UBND các huyện, thành phố		Mục 7 phần II

STT	Tên chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ	Khái toán kinh phí (triệu đồng)	Tg thực hiện	Chủ trì	Phối hợp	Nguồn vốn	Ghi chú
26	Hệ thống thông tin ngành Giáo dục	8.000	2023-2025	Sở GD&ĐT	UBND các huyện, thành phố		Mục 7 phần II, mục 7.1 phần IV
27	Chuyển đổi số ngành Lao động - Thương binh và xã hội	20.000	2024-2025	Sở LĐ-TB&XH	UBND các huyện, thành phố		Mục 7 phần II
28	Chuyển đổi số phục vụ công tác QLNN ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch	6.500	2023-2025	Sở VH&DL	UBND các huyện, thành phố		Mục 7 phần II
29	Chuyển đổi số ngành Công Thương	15.000	2022-2024		UBND các huyện, thành phố		Mục 7 phần II
30	Chuyển đổi số phục vụ công tác quản lý Nhà nước ngành Kế hoạch và Đầu tư	7.000	2021-2022	Sở KH&ĐT	UBND các huyện, thành phố		Mục 7 phần II
31	Hệ thống thông tin Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế	1.222	2021	Ban QL KKT			Mục 7 phần II
32	Hệ thống thông tin báo cáo	6.600	Hàng năm (2021-2030)	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố		Mục 9,10 phần II
33	Hệ thống phòng họp không giấy	10.000	Hàng năm (2021-2030)	Văn phòng UBND tỉnh	UBND các huyện, thành phố		Mục 11 phần II
34	Duy trì hoạt động Trung tâm dữ liệu, Trung tâm điều hành thông minh (đường truyền, bảo trì, sửa chữa, vận hành,...)	25.000	Hàng năm (2021-2030)	Sở TT&TT			

STT	Tên chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ	Khái toán kinh phí (triệu đồng)	Tg thực hiện	Chủ trì	Phối hợp	Nguồn vốn	Ghi chú
35	Thuê dịch vụ SMS Brandname	4.000	Hàng năm (2021-2030)	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, TP		
36	Hoạt động Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử và Chuyển đổi số	3.500	Hàng năm (2021-2030)	Sở TT&TT			
III	KINH TẾ SỐ						
37	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh, từng bước tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp.	100.000	Hàng năm (2021-2030)	Sở KH&ĐT		NSNN (10%) + Xã hội hoá (90%)	Mục 2 phần III
38	Phát triển thương mại điện tử tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025	50.000	2021-2025			NSNN (10%) + Xã hội hoá (90%)	Mục 4 phần III
39	Hệ thống phục vụ du lịch thông minh	20.000	2022-2024	Sở VH TT & DL	UBND các huyện, thành phố		Mục 6 phần III
40	Hệ thống quản lý hạ tầng giao thông	20.700	2022-2024	Sở GTVT	Sở TT&TT; UBND các huyện, thành phố		Mục 7 phần III

STT	Tên chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ	Khái toán kinh phí (triệu đồng)	Tg thực hiện	Chủ trì	Phối hợp	Nguồn vốn	Ghi chú
41	Hệ thống camera giám sát giao thông đường bộ	29.900	2021-2023	Công an Tỉnh	Sở TT&TT; UBND các huyện, thành phố		Mục 7 phần III
42	Triển khai hệ thống đỗ xe thông minh để quản lý các bãi đỗ xe công cộng và phát hiện việc đậu đỗ xe trái phép.	20.000	2026-2030	Sở GTVT	UBND các huyện, thành phố	Xã hội hoá	Mục 7.5 phần III
43	Số hóa thông tin các cơ sở xả thải, nguồn xả thải và các đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh; chia sẻ dữ liệu, thông tin dùng chung, phục vụ giám sát.	10.000	2026-2030	Sở TN&MT	Ban QLKKT tỉnh; UBND các huyện, thành phố		Mục 8.1, 8.2 phần III
43	Số hóa quy trình thu gom rác, xây dựng hệ thống quản lý giám sát thu gom rác thải theo thời gian thực và công khai cho người dân. Triển khai các dịch vụ thu gom rác quá khổ, rác độc hại, rác tái chế... thông qua môi trường mạng	30.000	2026-2030	UBND các huyện, thành phố	Công ty cấp nước và Môi trường đô thị		Mục 8.4 phần III
44	Thiết lập hệ thống quan trắc môi trường thông minh	30.000	2022-2023	Sở TN&MT	Ban QLKKT tỉnh; Sở NN&PTNT; UBND các huyện, thành phố		Mục 8.3 phần III

STT	Tên chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ	Khái toán kinh phí (triệu đồng)	Tg thực hiện	Chủ trì	Phối hợp	Nguồn vốn	Ghi chú
45	Xây dựng hạ tầng điện chiếu sáng công cộng trên nền GIS; Triển khai lắp đặt hệ thống cảm biến trên toàn bộ hạ tầng điện chiếu sáng công cộng, kết nối về Trung tâm điều hành thông minh để quản lý và giám sát tập trung.	120.000	2026-2030	UBND các huyện, thành phố	Sở TT&TT		
46	Phát triển hệ sinh thái nền tảng chuyển đổi số nông nghiệp áp dụng đồng bộ từ cấp tỉnh, huyện, xã thông qua sử dụng ứng dụng trên thiết bị vi tính và thiết bị di động thông minh (điện thoại thông minh)	25.000	2021-2025	Sở NN&PTNT	UBND các huyện, thành phố		Mục 9 phần III
IV	XÃ HỘI SỐ						
47	Xây dựng thư viện điện tử	5.000	2022-2025	Sở VH TT & DL			Đề án số hoá thư viện
48	Xây dựng thí điểm mô hình "Làng thông minh"	12.500	2024-2025	Sở KH&CN	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND TPCL, TPŞĐ		
49	Nhân rộng mô hình "Làng thông minh"	72.000	2026-2030	UBND các huyện, thành phố	Các sở, ban, ngành tỉnh	NSNN (50%) + Xã hội hoá (50%)	
50	Xây dựng hệ thống thông tin điều hành y tế thông minh ngành Y tế	40.080	2021-2022	Sở Y tế			Mục 6.2, 6.3, 6.4, 6.5, 6.6

STT	Tên chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ	Khái toán kinh phí (triệu đồng)	Tg thực hiện	Chủ trì	Phối hợp	Nguồn vốn	Ghi chú
51	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý chăm sóc sức khỏe cộng đồng	38.450	2021-2023	Sở Y tế	UBND các huyện, thành phố		phần IV
52	Đào tạo huấn luyện về y tế thông minh, an ninh mạng và xây dựng hệ thống hỗ trợ ra quyết định y học lâm sàng	11.000	2021-2023	Sở Y tế			
53	Triển khai xây dựng mô hình bệnh viện thông minh	33.500	2021-2023	Sở Y tế			
54	Triển khai bệnh án điện tử cho bệnh các bệnh viện Đa khoa khu vực	43.000	2021-2023	Sở Y tế			
55	Triển khai ứng dụng bệnh án điện tử cho các bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh và 12 Trung tâm Y tế tuyến huyện	136.800	2022-2025	Sở Y tế			
56	Mở rộng nâng cấp hệ thống lưu trữ và chẩn đoán hình ảnh	42.000	2022-2024	Sở Y tế			
57	Số hóa, xây dựng CSDL tài liệu, giáo trình điện tử. Xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến	100.000	Hàng năm	Sở GD&ĐT	Các doanh nghiệp cung cấp nội dung số	Xã hội hoá	Mục 7.2 phần IV
58	Hỗ trợ người dân chuyển đổi điện thoại di động 2G sang điện thoại thông minh	100.000	Hàng năm	Sở TT&TT	Các DN sản xuất điện thoại thông minh, DN cung cấp dịch vụ viễn thông	Xã hội hoá	
	TỔNG CỘNG	2.482.751					

Trong đó: Vốn XHH: 1.222 tỷ đồng (49,22%); Vốn NS và vốn hợp pháp khác: 1.260,7 tỷ đồng (50,78%)